

TRİ TÀN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

MỤC LỤC

- | | |
|--|-------------------------|
| * Lịch sử khoa nhi đồng học | Hoa-Bằng |
| * Tự vị thuốc tây | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Nhà văn và nhà xuất bản | Phạm-mạnh-Phan |
| * Bàn về chữ « Bội » | Đoàn-Nông |
| * Những ông nghề triều Lê (XCV) | Ứng Hòa |
| * Đào duy - Từ (1572 — 1634) | Khái-sinh Dương-lư-Quán |
| * Đại nam dật sự (XLIV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Thơ « lấy chữ » truyện Kiều | Trực Trai (Huế) |
| * Sớm thu mưa gió... bút ký | Ngân-Giang |
| * Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ (LXVIII) | Ứng-Hòa |
| * Hai mươi bài tập Kiều (lết) | Song-Cối |
| * An tư (tiểu thuyết XIII) | Nguyễn-huy-Tường |

0 \$ 50

LỊCH-SỬ KHOA NHI-ĐỒNG HỌC

HOA-BANG

Nhân tết Trung thu vừa qua, tôi thấy vấn đề nhi-dồng ở đây đã được người ta càng ngày càng chú ý. Tuy gặp thời buổi khó-khăn, hóa vật mắc-mỏ, nhất là giấy và sắt tây đang biếm và đắt, thế mà trong dịp tháng Tám, ở làng Gai và Hàng Thợ vẫn không giảm cái cảnh sắc của Tết trẻ con. Mà trong những tờ báo đặc san ra nhằm dịp ấy, nhiều nhà cầm bút cũng đã tỏ ra quan tâm đến các đồ chơi của nhi-dồng. Thế đủ biết vấn đề nhi-dồng ngày nay đã thành hẳn một đối-tượng để chúng ta nghiên-cứu. Vậy nay tôi thử mời các bạn xét qua lịch-sử của khoa nghiên-cứu nhi-dồng:

Lịch-sử khoa nhi-dồng-học này chẳng qua mới được ngót 200 năm nay thôi.

Năm 1762, J. J. Rousseau cho ra cuốn *Emile* có ảnh-hưởng lớn đến việc giáo dục: gọi cho người đời cái hứng thú nghiên-cứu về nhi-dồng. Trong sách đó, tác giả cho rằng nhi-dồng vốn tính tốt lành, xã-lội chỉ hàng muốn tội lỗi. Cái phương pháp giáo dục người ta thường dùng đó chỉ là làm hỏng mất bản tính của trẻ con. Đó là một thứ giáo-dục không hiểu tâm lý nhi-dồng và làm dập gẫy cái linh-linh cổ-lũn của trẻ. Chúng ta cần nên hết sức bài trừ, khiến cho bản tính của

nhi-dồng được phát triển tự-do và thoát-ly được xiềng xích của lối giáo-dục đầy tội-lỗi.

Thứ giáo-dục tiêu-cực (education négative) lấy thiên-tính nhi-dồng làm nền gốc thi-hành việc dạy dỗ ấy rất được học giả đương-thời chú ý, đã gieo vào giáo dục giới một tia sáng mới lạ.

Năm 1774, Pestalozzi có nghiên-cứu về đứa con lên ba của mình. Sự ghi-chép của ông chẳng phải chỉ quan hệ về sự nghiên-cứu tâm lý nhi-dồng, mà lại là một cuốn nhật-ký chép việc giáo-dục con trẻ. Cái cơ ông sở dĩ nghiên-cứu về nhi-dồng, là cốt muốn đem phưng điều mình đã hiểu rõ về tính-tình và năng-lực con trẻ làm cái căn-cứ cho việc giáo-dục nhi-dồng. Cho nên sự nghiên-cứu của ông chỉ riêng suy-nghĩ về phương diện thiện lợi cho việc giáo dục nhi-dồng, vì ông cho rằng nhi-dồng là tảng thành-nhân chưa thành-thực.

Trong khoảng từ năm 1775 đến 1780, Pestalozzi có sáng-lập và coi quản cái trường học thực-nghiệp lần đầu mới mở ở Thụy sĩ. Ông thu nhận hàng trẻ bị ốm khó nuôi vào nhà: mỗi ngày cho học nửa buổi, bắt làm nửa buổi. Nhưng được ít lâu thì trường đó "chết yểu" vì bị phải thừa-vực hết sức phản đối.

Về sau, Pestalozzi lại đứng quản lý một nhà nuôi trẻ bỏ-

côi ở Thụy sĩ. Ông thực-hành được cách dạy thủ công theo liên với bài học về nghề-nghiệp. Nhờ những sự từng trải trong thời kỳ này, ông đã nhất-luợm được nhiều tài liệu để viết sách nói về những mối quan-hệ giữa sự phát-triển và trưởng-thủ của trẻ con.

Năm 1787, Dietrich Tiedemann có phát biểu cái kết quả do ông đã nghiên-cứu được ở chính đứa con mình. Sự nghiên-cứu của ông, có thể nói, là môn nghiên-cứu rộng về phương-diện tâm lý trẻ con; song tiếc rằng những điều ông đã báo cáo ấy không được người đời đem xia. Mãi về sau, năm 1863, tờ *Journal général de l'Instruction publique* có dịch ra văn pháp những lời báo cáo ấy của Tiedemann, bấy giờ cái kết-quả sự nghiên-cứu của ông mới được truyền động ra đời.

Froebel, năm 1826, có xuất bản cuốn *Die menschenenrgieziehung*. Ông nghiên-cứu, tìm lấy sự phát-triển và trình-tự về tâm-lực tiêu-xác của nhi-dồng để làm căn-cứ cho sự giáo-dục tại-chế. Trong tác-phẩm của ông thường thường nêu lên những điều suy tưởng về triết-lý. Song có lẽ khiếm khuyết của đáng chú ý là tác giả không sáng u ứng lý lý từ thực-nghiệm đến nhi-dồng, rồi đến thanh-niên đều lên lối chữ kí ông gần-đoan.

Năm 1828, bà Necker de Sauss

sure ra sách *Education progressive*. Đến thứ nhất, báo lý về tâm-lý học nhi-dồng trong vòng bốn tuổi. Qua năm 1832, bà cho ra tiếp cuốn thứ hai, tường luận về tâm lý học nhi-dồng từ bốn tuổi trở đi. Mục-dĩ là bà nghiên-cứu về nhi-dồng, là cốt muốn hiểu sự phát-triển và lịch-trình về tâm-năng, về đạo-đức của con trẻ. Theo quan-niệm của bà, thì bà cũng cho rằng nhi-dồng là thành nhân tương lai.

Năm 1851, Lobach có ra cuốn *Die Entwick-lungs geschichte der seele des kindes*. Ông nguyên là một thầy thuốc, chuyên trị về chứng bệnh trẻ con. Sách của ông có ảnh hưởng rất lớn cho những người đi sau nghiên-cứu về nhi-dồng-học.

Năm 1856, cuốn *Kind and welt* của Sigismund ra đời, trong sách chép rõ cái thành-tích của sự nghiên-cứu về đứa con

nhỏ của tác-giả: từ lúc con đó mới đẻ, tác-giả theo sát từng bước để khảo về sự phát-triển của các năng-lực nhi-dồng: khóc, cười, hành động, nói-năng, v.v. Phương-pháp nghiên-cứu như thế, trước đó, thực chưa từng có. Hai năm sau, lại có Hejfelder đem cái kết quả mình đã nghiên-cứu về tiếng nói của nhi-dồng mà báo cáo với đời.

Năm 1859, Kressmaul đem công-hiệu đồ-giả những cái kết quả mà mình đã nghiên-cứu ở hạng hải-quỳ mới đẻ. Năm 1873,

Goarner chứng thực cái phương-pháp của Kressmaul nghiên-cứu nhi-dồng đó là xác đáng.

Từ đây, sự nghiên-cứu về sinh-lý và tâm-lý nhi-dồng dần dần càng thịnh: Canestrini nghiên-cứu được 71 đứa trẻ về mặt sinh-lý; Benedict và Talbot cũng nghiên-cứu chung, về mặt sinh-lý, 100 đứa hải-quỳ sơ sinh.

Năm 1869, cơ-quan Giáo-dục con nít,

NGẦU HỨNG

Đường thể trông gai nghĩ chán phê,
Vui vầy vờn được quả cùng huê.
Non xanh, nước biếc, thơ ngấm ngời,
Gió sớm, mây chiều, rợp tít tít ..
Thin - thít đàn ve theo hạ vắng,
Nỉ-non sáo để báo thạ về.
Mặc ai chen chúc đờng danh lợi,
Hương thú thanh nhàn chờ lại quê.

KHAI SINH

ở Berlin có gửi đi những tờ thông cáo báo các ông giáo viên các trường Tiểu-học điều-tra về trí-thức và kinh-nghiệm của các trẻ em. Phương-pháp điều-tra của họ tuy có nhiều chỗ chưa ổn, nhưng kết quả cũng có lắm cái hay hay. Ta rằng có nhiều sự vật rất hiển nhiên, ta tưởng trẻ em đã biết rõ, thế mà thực ra chúng vẫn lơ mơ không rõ, chẳng hạn như mặt trời là gì, mặt trăng mọc ra sao, có trẻ cũng chưa từng thấy qua đấy!

Năm 1876, Ta'ne cũng có những loại nghiên-cứu đơn-giản về sự phát-triển của tiếng nói giữa nhi-dồng và chúng-tộc. Đồng-thời, Darwin cũng viết một bài « Biographical sketch of an infant » đăng trong tạp-chí *Mind*. Đó là một thiên sáng-tưởng của người Anh đối với vấn-đề nghiên-cứu con nít.

Năm 1878, Perez có cho in cuốn *Les trois premières années de l'enfant* cũng được thịnh-truyền một thời.

Năm 1882, Preyer ra cuốn *Die seele des kindes*, so với sách của Perez lại hay hơn nhiều, vì sự nghiên-cứu của Preyer chẳng những chỉ dựa vào cách quan sát thông thường, mà lại rập rờn dùng cả phương

pháp thực nghiệm nữa, cho nên kết-quả lại càng thiết-thực đáng tin cậy.

Trên đây mới là mấy nét khái quan về khoa nhi-dồng-học trên thế giới. Sau đó sẽ phát sơ về lịch-sử nhi-dồng-học của từng nước, như Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Nga, Nhật, v. v. Rồi sẽ lược khảo về sự nghiên-cứu nhi-dồng ở nước ta.

HOA BÀNG

TỰ VỊ THUỐC TÂY

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Năm 1939 Hội Khai-trí liên-độc in xong bộ *Việt-nam tự-điền*. Cùng năm ấy có vài quyển sách dạy nghề, như quyển *Nghề thợ mộc* do các trường kỹ-nghệ thực-hành ở Bắc-kỳ xuất bản trong có những tên riêng của nhà nghề mà bộ *Việt-nam tự-điền* không chép, như chữ « ghép gờ » (seuillure), « mòng én » (queue d'aironde), « mũ khuấy », « đinh khuy », « đinh thước thợ » v.v. Ấy là chưa kể những tên dịch ở chữ tây ra, như cái « vệt » là cái cần truyền điện của xe điện dùng đã bốn mươi năm nay, mà tự-vị Khai-trí cũng không chép đến. Đây là thí dụ một vài tên riêng các nghề mà trong sách đã in ra hoặc công-chúng quen dùng đã lâu.

Cho nên, tuy không chuyên về y-học, tôi tưởng cũng nên nói qua đến quyển sách của ông Phạm-khắc-Quảng và Lê-khắc-Thiên dịch những chữ trong nghề thuốc, đề là *Danh từ Y-học tập I, vần A và B*, in khổ giấy 16×22, được 41 trang ở nhà Imprimerie de l'Ouest, đề khi tái bản quyển *Việt-nam tự-điền* ban văn-học của hội K. T. T. Đ. chép thêm những tên riêng của các nghề

Nhân tôi bàn với tác-giả mấy chữ như sau này :

Chữ « abrasion » dịch là « sự

hót da », e không hết nghĩa, vì chính chữ ấy có nghĩa « mài » hay « cạo », thí dụ Mọi cả răng ở phía Nam Trung-kỳ. Trang 10 có chữ « diète absolue » dịch là « tiết thực tuyệt đối », tôi tưởng dịch là « tuyệt thực » thì gọn hơn, mà người ta nghe ngay ra. Lại chữ « acare », tác-giả dịch là « trùng ghẻ » tôi tưởng nên theo tiếng cũ mà chưa hai chữ « cái ghẻ » thì ai ai cũng hiểu.

Chữ gì thật của ta không có, hãy nên mượn chữ ngoài, còn chữ nào tiếng ta đủ ý nghĩa, thì không nên mượn, thí dụ chữ « auscultation » tác-giả dịch là « thính-chẩn » : vẫn biết rằng « thính » là « nghe », « chẩn » là « xem mạch » hay « xem bệnh » nhưng đối với người không học thuốc, có lẽ không hiểu « chẩn » là gì. Chữ ấy vốn của ta đã có tiếng « nghe bệnh », tưởng thế là rõ lắm, việc gì phải mượn chữ nhò.

Lại khi dùng tiếng ta cũng không nên đặt dài quá, thí dụ bốn chữ « sự thôi cho bú » (ablactation) thì vốn của ta có tiếng « cai sữa » tưởng cứ đề nguyên như thế, cũng rõ bằng tiếng mới.

Mấy lời bàn góp, đề đến tập sau, tác-giả xét xem có nên sửa đổi không. Cứ như tập này cũng đã giúp ích nhiều và có giá-trị lắm.

TRẢ LỜI

« VĂN MỚI NGHỊ LUẬN »

Văn mới nghị luận số 1, ra ngày 10-10-1941, có đăng một bài *Tờ a, tờ b có đăng tin không?* (trang 76-77). Mở đầu có câu : « Ủy Ưng-Hòa thường có thói lấy tờ a tờ b của những sách trong Thư viện. Bật-cờ ra xem, tiêu chuẩn để bề mặt câu này, bác một ý nọ của người khác viết... »

« Thôi » ấy chính là « thói » khoa-học mà Văn mới thường nêu lên. Nhưng vì không biết sách, — không nhớ sách, — hoặc không hiểu sách, nên Văn mới làm không nổi, thành ra quyền nào trong *Tán dũ học* của Văn mới (Hàn Tuyên xuất-bản) cũng nhầm lẫn nhiều quá. Tôi, thường, lấy « tờ a tờ b » ở sách nhò hay trang 1 trang 2 ở sách tây để chữa cho. Thế mà Văn mới vậy cái liêu, như bài *Tờ a tờ b* này, là Văn mới d. nh gở mọi chỗ quàu-quẩn cho ông Chu Thiên, tác-giả quyển *Lê Thánh tông*, nhưng Văn mới lại không hiểu (hoặc giả-tảng không hiểu) câu phê bình của tôi, đăng ở *Tri-tân* số 124, ngày 9 (2 1943), trang 15.

Tôi nói rằng trang 27 quyển *Lê Thánh tông*, tác-giả viết câu : « vua thường ham mê nữ sắc » đến trang 34 tác-giả lại viết câu : « vua không gần thanh sắc » thế mà cả b có bảy trang mà đã trái nhau ! Sao không thấy Văn mới (Xem tiếp trang 21)

NHÀ VĂN và NHÀ XUẤT BẢN

PHẠM HẠNH PHAN

Từ khi khói lửa chiến tranh bùng cháy khắp mọi nơi, cái ảnh hưởng tai hại cho các đồng bào thiếu học của chúng ta là nạn khan sách báo ngoại quốc.

Cái món ăn, quần áo, tiền bạc càng ngày càng khan. Nhiều người không được cái may ra vào thư viện phải phân vân tự hỏi không biết lấy gì mà đọc trong những giờ nhàn rỗi.

Hơn nữa, chiến tranh đã lấy đi một số đông người đã mà quên đi cái văn minh vật chất, đã xây dựng cái nền phẩm nông dân, loe loe mà không quên trong bao năm rã rã bán.

Nay súng đạn của năm châu đã làm cho họ bưng mắt nhắm, bưng mắt nhắm, một giấc trắng trẻo, mới quay về với cổ quốc giang sơn mà tìm ở cái cũ những bài học của lịch sử, những tấm gương sáng của tiền nhân khi trước. Họ đã chán như mộng, chán cười cợt và trở về với những trang, suy nghĩ, thiết tha tìm lấy một con đường mới cho nghĩa xứ thế, cho đạo tu thân.

Vì vậy họ mong đợi tìm trong những sách quốc văn những điều họ cần để ôn lại những cái tinh hoa của đất nước. Sách báo chữ nước nhà mới được họ sốt sắng xem tới. Họ đã mở mắt lên ở ba kỳ cái phong trào sách báo.

Nhiều người vì vậy mới nhúng bút, trông lọ mực, quố vĩa mà sản xuất ra trên thị trường văn học hết tác phẩm này đến tác phẩm khác. Giá sách vì sự khan hiếm vật liệu đã đắt, một cách quá tương xứng.

Sách báo đóng vai trò nhiều người xem nên các văn nhân đi khắp nơi để cung cho sự đòi hỏi của người đọc.

Một số người cầm bút học lực, năng lực bị chôn vùi vì hư danh của họ, ra những cuốn sách tiêu biểu cho sự ngây ngô, dốt nát, đã chứng thực cái trống rỗng của tâm hồn họ và cái mờ trí tuệ họ đã tiêu nhận được.

Một hạ g văn nhân khác đi nhậm đờng đã ngang nhiên tạo bạo bước vào những địa hạt xa lạ không họ với sở năng mình.

Vì vậy nhiều người thấy cái quang cảnh của văn học Việt Nam hiện đại, các tác phẩm có giá trị thì ít mà các rom rãc thì nhiều. nên đã lo cho nền văn hóa nước nhà đang bị một bóng đen đã mai, a dư một tư tưởng, chủ nghĩa mà không sao trụ vững, họ đã ở đó thành bút mực. Và sự chiếm cứ ấy sẽ dần dần mà lại ta cả cá ngói bút đang tin cậy, có lương tâm chủ? dĩ nhiên rồi. Phải chăng thứ văn chương, tư tưởng

Song đó là một điều lo ra vì theo hạt đào thái, như cây bụi non, rồi viết quảng viết, bấy sẽ bị tiêu diệt. Trình độ cao cấp của người đọc bắt buộc phải lên với trình độ người viết. Trong bối cảnh gây dựng một nền văn hóa cho dân nước, sự thành công và sự tuyệt mỹ của một tác phẩm chỉ có một tình cảm lương thiện.

Số sách ra nhiều, bán chạy đến các nhà xuất bản cũng lần lượt ra đời. Một hàng người vô lương tâm chỉ biết vụ lợi, dùng bất cứ thủ đoạn nào xảo quyệt, gian trá, không cần cho ra sách mà chỉ hòng xin được thừa giấy để trục lợi.

Bên cạnh các đơn vị lợi nhuận có một số nhà văn mà như nhà văn chân chính, cần mẫn, phụng sự nghề nghiệp một cách ngay thẳng và tận tâm. Họ họ sinh hoạt đầy đủ được vui lòng làm việc cho văn chương đất nước. Họ cố gắng phấn đấu với mọi hiểm trở nguy nan. Họ làm việc quảng mĩn chính đại, không chút ngần ngại mình khuất phục nhưng mưu lược cá nhân lại khiến họ quên đi đạo.

Trong huyết quản của nhà văn và nhà xuất bản ấy còn tạo sức chịu đựng khi phách và trong tâm hồn họ có một thứ cái liêu lạo của họ gia thuần túy.

Nhưng với tình thế hiện tại, các nhà văn đang gặp khó khăn của họ là nạn khan giấy.

(Xem tiếp trang 20)

Bản về chữ "Đôi"

ĐOÀN NÔNG

Trong số 149, ngày 6 Juillet, ông Ung học có bản về tên « Hát bộ » và nói rằng: « bội chính nghĩa là, sau lưng, là mặt trái; nghĩa bội là làm lại, xem như các ông đồ nho ngày xưa dạy học-trả, năm ngày h. ăc mười ngày, số một kỳ học ôn và viết bội-độc, nghĩa là cho học ôn lại mấy bài hôm trước, rồi bắt phải nhớ mà viết ra không được trông vào sách; thế thì hát bội cũng là nhớ những điều lịch cũ mà d ễn lại ».

Theo ý tôi : trong phần nhiều các lối ca hát, khi nào con hát cũng phải học thuộc lòng, chứ không trông vào sách mà hát; thế thì chữ « bội » đó đáng lẽ phải « chỉ » chung cả các lối hát. Trái lại, chính hát bội lại là một lối hát có cái đặc sắc này là con hát không học thuộc lòng vì có người « nỉ » « nhắc ». Mười năm về trước, nếu ông Ứng-hoà vào Huế, Quảng, xem hát bội ông phải buồn cười về vai « nhắc » này, ngồi ở ghế chận trên sân khấu một bên châu con hát và nhắc từng câu một nhắc to tiếng đến nỗi « lặp » nghe. Hiện nay vai nhắc này có vẻ kín đáo hơn.

Một lẽ nữa là Tàu không gọi là «bội xương» đến đâu nghi lễ thuật này «tàu» lắm; vậy chữ bội là sau lưng cũng chỉ là một ức-thuyết thôi.

Thế ở ông Mạnh-huân Trần-

trình Cáp, rõ lẽ là chữ « bài » mà đọc sai ra bài nghĩa là bát, bài-ưu là anh kép bát. Nhưng bài mà đọc sai ra « bội » bày đọc sai ra « bội » đều xa xuôi lắm. Theo ý ông Vệ Thạch Đào duy Anh thời hai tổng bộ và bội đều có cả mà đều là hai tiếng nôm. Về « đường ngoài » nghĩa là từ Thanh Tóa ra Bắc lý dặng bát bội chỉ chúng cả bát-chèo và bát-tổng; và ở Thanh người ta lại có khuynh đường dùng tiếng bát bội để chỉ bát chèo còn bát đường thì cứ gọi là bát tổng. Tổng tổng lại dùng như thế này : « mấy làm tổng gì thế ? » « Đường trong » nghĩa là từ Hoàn Sơn trở vào lại nói : « mi làm bộ chi nữa » Tổng với bộ cùng một nghĩa, nên khi lời hát tổng vào « đường trong » thời người « đường trong » gọi là hát bộ. Bộ nghĩa là bộ ịch, vừa hát vừa làm bộ ; ta không nên theo lời quen, cái gì cũng phải là một gốc tích lâu, một chữ tàu cả, vẫn theo ý ông Đào duy Anh.

Tôi vẫn hiểu như ông Đào duy Anh; bộ là bộ ịch, vừa hát vừa làm bộ; vì, nhất lời đã nói, không có thứ hát nào chú trọng diện bộ như hát bộ; người sành chữ xem điệu bộ của con hát là đã thích rồi và đã biết con hát có giỏi hay không, họ hát bộ là phải học từ khi còn bé, mười lăm năm mới thành nghề vì phải học từng bước trên sân khấu, họ cái « chữ g h a » nghĩa

là nước bước, cái chùng đá, cách
căn đôi hia trên sân khấu; người
không quên đi đôi hia là nghề
thời 'e ngày vì đôi hia này trôn
phía dưới chớ không bằng như hia
của cái quan. Rồi càng đi vào
càng vào, nghĩa là Hố vào
Quảng, Quảng vào Bình-dịnh, thời
cái « chùng hia » lại càng lộ trọng
vì con hát Quảng nam, Bình-dịnh,
nhất là con hát Bình-dịnh, phải
biết 'o ta, biết cón, quyền, nhảy lên
đá cao. Nếu bà con miền ngoài vào
xem một buổi hát bộ trong một
rap hát Bình-dịnh, thấy hai con hát
« đánh nhau » trên sân khấu, thấy
Quan công dùng thanh long đao,
thấy Trương Phi dùng xà-nâu,
hoặc một « kệp núi » đánh tới hồ,
thấy khán giả Bình-dịnh hồi hộp
với từng cái dặm cái đá của yê ta,
thời bà con mới cho rằng thật là
hát bằng bộ lỵch và phải học từng
bước một, từng cái đá một; và nếu
bà con tới xem cái « 'o c-bộ-dịnh »
của cụ Đào Tấn ông chủ của nghệ-
thuật này, nếu được dự một bài
đạy của cụ, lúc sinh thời cụ, thời
bà con cũng đồng ý rằng phải vậy
chứ bộ là bước như cụ Đào Tấn.

ĐOÀN NỮNG

Trả lời:

Ở đoạn g'ấ'p ghĩa chữ «bộ»,
giả ông Đoàn-Nông dẫn nốt mấy
câu nữa cho "hết ngĩa", thì ông
không phải viết câu: «vậy chữ

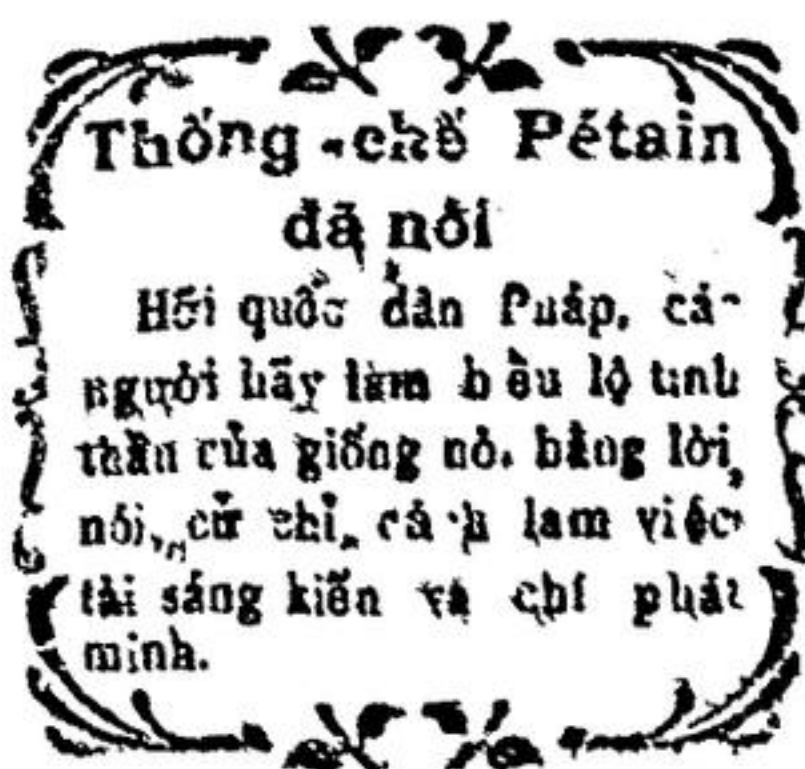
Hội là sau lưng cũng chỉ là một
 ừ: "Luyện thối". Mấy câu thiếu
 như sau này: "Nhưng chưa
 biết nghĩa nào là phải, dù sao,
 & tên sách, không nên với chữ
 như thế, có muốn bắt bẻ gì, nên
 nói ở trong sách thì hơn". Đăng
 Tri dân, số 149, trang 7, cột 1,
 lên với đoạn ông Đoàn-Nông đã
 dẫn trên kia.

Vì bài trước là hai phê-bình,
 nên tôi chỉ nói qua về một nghĩa
 chính của chữ "bội". Không phải
 bài khảo cứu, nên không nói
 nhiều.

Nay nhân ông Đoàn-Nông bàn
 lại, tôi nói thêm mấy thuyết nữa
 về hát bội, để độ-giả-sư-sành.

Các tự-vị của ta xưa nay
 không có chỗ nào chép là "hát
 bội". Quyền Đại nam quốc âm
 tự-vị của ông Huỳnh-Tĩnh-Cử,
 in ở Sài Gòn năm 1895, trang 67,
 về chữ Bội có chữ trỏ bội, giải
 nghĩa là: "cuộc ca hát, đám hát
 bạn hát". Quyền Việt-nam tự
 điển của hội Khai trí tiến đức,
 in tại Hà Nội năm 1931-1932, trang
 56, về chữ Bội, giải nghĩa là:
 "cuộc diễn trò, cuộc hát tuồng",
 thí dụ Hát Bội. Tự-vị chép như
 thế, thì chữ Bội là tiếng nôm,
 là tiếng nôm của nghề chèo hát.
 Nhưng không quyền tự-vị nào chép
 chữ Bội ấy gốc tích ở đâu ra.
 Theo nghĩa chữ Tàu, thì chữ Bội
 có mấy thuyết như thế này:

Thuyết thứ nhất, Bội là sau
 lưng, là mặt trái. Tôi đã nói rõ
 trong bài phê bình, mà ông Đoàn-
 Nông đã dẫn ở trên, phung vì
 ông bảo "Bội là sau lưng chỉ là
 ức-thụ ất", nên tôi phải vạch rõ
 ra, nhân tiện nói thêm mấy thuyết
 nữa.



Một thuyết cho chữ Bội do chữ
 Bội phong ở Kinh-Tây, nghĩa
 đen là phnóng Bả, nghĩa bẻng
 là đủ các điệu lo-buồn, sầu thảm,
 thương-liền, khổ-đau, như điệu
 Bội phong chép bài "Bách thu"
 là thơ đản bẻ góa-chồng. Gặp
 cảnh đau thương mà lơ-vẫn-vẫn
 trung-tậu. Cuối Bội phong chép
 bài "nhị tử thừa chu" là thơ của
 người nước Tề thương cha con
 tên Cáp-tên Thọ cũng chết. Lỡ
 vắng thăm-thăm-lỗi và cùng Lỡ hát
 bội cũng đủ tả than vãn uất ức
 như thế, nên gọi là hát bội.

Lại một thuyết nữa, Bội là gấp
 bội, tức là nhiều, hay bội p ần,
 nghĩa là một người kép có thể
 hát được nhiều giọng đồng được
 nhiều va.

Đây là dựa theo chữ Tàu mà
 giải nghĩa, còn như ngữ-Tàu
 thì gọi lời chèo bội là "xương-xu"
 "bài ưu" hoặc "đi-lời". Trong
 mấy tiếng ấy, có tiếng "đi" là
 gần giống tiếng "bội" của ta.

Còn như Hát bội thì ở Bắc-kỳ
 có người giảng nghĩa là hát đủ
 lệ bội các vai trong diễn-tình, lại
 có tài hát đủ nhiều giọng, đang
 hát lời văn của bên nam lại đòi
 ra giọng lời đáp của bên nữ, đang
 lời vua chỉ phải đòi ngay ra lời tâu
 của nạ thần: một mình k ếm cả các
 vai trong diễn-tình, mỗi khi hát

lại đem miệng trở lại thanh-lệ
 kh ến người nghe tưởng tượng
 như ngồi trong rạp hát, nên gọi
 là hát bội.

Lại có người giảng hát bội là
 nay đây mai đó, một tay cầm
 trống và thanh la, một tay cầm dùi,
 đi gióng ngoài đường, ai muốn
 hát thì gọi vào.

Cứ hai thuyết trên này thì ở Bắc-
 kỳ hát bội với hát bội khác nghĩa
 nhau. Vả cho rõ hơn, hát bội là
 hát chèo, hát ở rạp, có nhiều
 người, còn hát bội là chỉ một
 mình một người hát đồng như cả
 rạp.

Lại còn một nghĩa nữa, vừa hát
 vừa múa hay vừa hát vừa nhẩy, thì
 hông tay cũng là hát bội.

Cứ như thế, thì chữ bội với chữ
 bội, tuy viết quốc-ngữ thì chỉ sai
 có chữ i và tiếng nói thì gần giống
 nhau, mà về đến nghĩa thì khác
 nhau, không nên lấy chữ nọ gán
 vào chữ kia. Đầu nghĩa có giống
 nhau, cũng chưa nên đổi vị
 một đằng (hát bội) đã định nghĩa
 rõ ràng ở các quyền tự-vị, từ
 Nam chí Bắc, và lại là tên phải
 in trên bia sách, một đằng (hát
 bội) chưa có tự-vị nào chép, mà
 dùng lại chưa được nhất luật. Gá-
 dụ bây giờ tôi cũng khá-cứu về
 nghề diễn-kịch ở nước ta, viết
 đến đoạn nhà Hồ (1400-1407),
 tôi đề đầu bài là "Cái ảnh-ương
 của nghề hát bội về đời Hồ Hán-
 Xương", tôi nhiên đọc giả sẽ
 cho là câu kỳ và sẽ hỏi: sao
 không để là "Ảnh hưởng nghề
 hát bội về đời Hồ Hán-Thương"?
 Ông Hoán-Võ lại đặt tên sách là
 Sự tích và nghệ thuật hát bội
 thì cũng... ế...

Ông học NGUYỄN VĂN TỐ

NHƯNG ỒNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Ưng-hoè NGUYEN-VAN-TO

đại-phủ, Hộ-bộ (tả-thị-lang Khuông-
quý Doãn và Đặng - minh - Khôi)
nguyên chức Lại-bộ tả-thị-lang.
trừu-liệt đại-phủ Tu - tể - Doãn.
làm quan giám thị : ác quan lỗi
người mỗi việc.

& Sớm hôm sau, qua một đợt quyền
 là Ngự-ấn-bá-Nhâm, chức phụng-
 tước đại-phu Lễ bộ thượng-thư,
 tư-chính thượng-khanh, Nguyễn-
 thời Ung chức phụng-tước đại-phu,
 thượng-thư ngự-sử-dài đồ ngự-sử,
 tư-chính, thượng-khanh, và Đỗ-
 Nhạt, chức phụng-tước đại-phu,
 thượng-thư đông-các đại-học-sĩ,
 nhập thị Thái kinh, tư-chính
 thượng-khanh, dâng quyền tiến
 độc, Hoàng thượng thân xem, định
 cao thấp, cho ba ông đồ tiến-sĩ
 cấp đệ là bọn Hoàng-ng' là Phú
 9 ông đồ tiến-sĩ xuất thân là bọn
 Bùi-đoãn-Hệ, 35 ông đồ đồng
 tiến-sĩ xuất thân là bọn Trần-
 đoãn-Minh.

« Ngày 3 tháng 5, Hoàng-thượng
ngự đến kinh-thiên, truyền lệnh
xướng tôn cổ, trăm quan triều
phục dậy mừng. Bộ Lại dâng ban
ân mệnh, Bộ Lễ dâng bằng vàng
treo ở ngoài cửa nhà Thái học.
Lại cho áo mũ và thưởng yến
tiệc; lễ nhạc đại hiến, lễ là đủ
cả. Rồi sai Nguyễn Văn-Lãng,
chức Đông võ tể-pu, rồi g-
iữc Liễu-Trung khai-quốc công-
tiễn, đặc tiến Kim tử vinh-lộc đại-
phu án-lý hiệu-thuận khai phu
nghĩ đồng tam-ty, bình-chương
quân-quốc trọng-sự, phụ-quốc

1. Lừa-tưởng thượng lễ thái-pố
ngĩa quốc-công thượng-trụ
quốc, sửa lại nhà Quốc-bọc,
làm mới hai nhà bia ở đông
tây. Lại sai Nguyễn-bá Lân, chức
tả-lý công-thần, đặt tiến Kim-tử
vĩnh-lộ đại-phu, Công-bộ thượng-
thư chương bộ sự, tri Hiến phúc
diện, Uy-quận-công thượng thư
quốc, trông nom việc khải-bla. Sai
tư-thần soạn bài ký.

«Tiền-kính (tần chấp tay cúi
dầu nhà dân lời rằng: gọi đặt
sinh nuôi muôn vật, phải nở bốn
mùa mới thành công; bậc đế
vương ngự trị muôn dân, phải cầu
người hiền-lai để giúp đỡ, cho
nên nhà Ngu được thái-lòa. vì
ngoài đồng không bỏ sót người
hiền, nhà Chu được thành-ti. vì
nhà vua nhều người cất-sĩ, đến
Hán, Đường, Tống dờ về sau,
những vua nguyên trị, (muốn cho
trong nước thịnh trị), đều dùng
người hiền lấy Lạc-trở làm việc
trước.

Đức Thái-tông Cao-hoàng-đế (Lê Lợi, 1428-1433) lấy ô-lông đồ yên thiên-bà, đem vào-đức mà được thái-bính, đầu dựng nhà quốc học, văn-giải từ đây trở mới. Đức Thái-tông Văn-hoàng-đế (1433-1442) đời theo nghiệp lớn, sửa sang phép cũ, đầu đặt nho - khoa, văn - minh từ đây rõ rệt. Đức Nhân-tông Tuyên-hoàng-đế (1442-1459), kính theo mưu trước, nơi giữ phép xưa, nuôi dạy hiền-tài, văn-phong phồn-chấn. Đức Thánh-tông Thuần-hoàng-đế (1460-1497), chỉnh-đốn kiến-cương (cương-kỷ đặt làm vua),¹ sửa sang trị-bã, sáng mở văn-chương, rực-rỡ

nho đạo, học-vấn cao-minh, bậc thợ-khảo dạy người, kẻ chân nho-kéo 4a lữ lượt. Đức Hiến-Tông Duệ hoàng-đế (1497-1504), giữ vận doanh-thành, rộng nguồn giáo-hòa, kén dùng hiền lương, nhân tài càng tiến. Đức Hoàng-đế bệ-hạ (Lê-Trưng-dực), ứng-vận giỏi, thuận lòng người, vô yên nhân, dân trông cõi, tới nhà học giảng sách vở, tôn chuộng người nho nhã.

« Khoa tân vị này là khoa thứ nhất về đời trung-hưng, trộm nghĩ rằng: hiền-tài là nguyên khí của quốc-gia, nên tài bồi thêm rộng, khoa mục là phép tắc của hoàng triều, nên chấn khởi trước. Những người hào kiệt, thường từ đường ấy mà tiến lên, nhà Đường được Phòng-Kiều, mà đến được nghiệp thái-bình đời Trinh-quân nhà Tống được Hàn-Kỳ, mà liên-hạ yên như Thái-sơn, khoa mục các đời trước được hiền tài, có giúp ích cho trị-đạo kế-trọng như thế. Lòng Thánh thượng, lo xa vốn đã định sẵn Tấm bằng vàng này, treo ra vinh diệu biết chừng nào! Người bỏ Hàn-lam, người bỏ khoa đại, ăn trạch đời dào, phép-tắc gồm đủ. Đấng khoa có

sách, kẻ tên có bia một là đề liếng thom trong-sử sách, một là đề sự-nghiệp cho đời sau. Học trở sinh ở đời này, khắc tên vào tấm đá này, thật là may lắm. Nếu hay một nệm trung nghĩa, bền dạ liêm cần làm trung hiếu trạng nguyên, làm kim-ngọc quân tử. Ngay sau các học-trò ở nhà Thái-học, có người trở vào bia mà nói rằng: « Người này là bạn bè hồ-bằng, người này là ngang hàng kỳ anh », thì những bậc hiền tài biết lấy đấy mà khuyến mình. Nếu mà ngoài ngọc trong đá, phượng kêu cánh chim cả a-dua rú-rát, thì thiên-hạ đời sau, có người chê rằng: « Kẻ kia khủ học, như Công-tôn-Huân, Lê-kim-bạn-kính, như Vương-an-Thạch » thì người ác trông đấy tự rân. Vậy thì tấm đá này dờng lên, trong việc kẻ thưởng có ý khuyến rân. Rực-rỡ thay, quy mô của các vua trước dùng người hiền! Lớn lao thay cái khuôn-phép của thánh-chuông dùng người hiền! Số dĩ giới đã sinh người hiền mà lập tâm, vì triều-đình dùng người hiền tài mà lập phép mà ở nghìn năm trong nước thái-bình có ý ở đây. Tuân kính cần viết bài ký này.

« Đệ: tiến kim tử vinh-lộ đại-phu thiếu-bảo, Lễ bộ thượng-thư, đồng-các đại-học-sĩ, kiêm quốc-vũ giám lễ-tửu, tri kinh-diên sự, Đôn-thư-bá-trụ quốc, thân Lễ-Tung phụng sequ — Triều-liệt đại-phu, trung thư-giám trung-thư tả nhân, tu-thận-doãn, thân Ngô-Ninh phụng thư. — Lễ bộ tả thị lang, bành kim-quang-môn đại-chiếu tri thượng-bảo giám ca-cục sự, thân Nguyễn-Huệ phụng triệu.

« Bia dựng ngày... tháng... năm thứ 5 hiệu Hồng-thuận (1513)

(Còn nữa)

Ông học NGUYỄN VĂN-TỐ

1) Kinh-dịch có chữ « quốc chi quang » nghĩa là xem cái sang của nước, ý nói được gần vua, đỗ hoặc làm quan. Chỗ này nói người thi đỗ

2) Cờ là gai, ol là vòng vây, hoặc xang quanh, tức là trường thi, trường thi xang quanh rào gai, nên gọi là cờ-vi, cũng có khi gọi là cờ-viên. Do điều-lich sau này « Về đời Ngũ-đại (907-950) bên Tàu, học trò phải nhiều phải bậc, thường làm đơn-đo để độ g đến chỗ-lý nên mỗi khi chen bằng đỗ, chủ ty tuyển rào gai xang quanh tường, đóng cửa dinh cấm người thường không được ra vào Đ'n Uda-Ngung làm chủ khảo, hôm treo bằng tuyển bỏ rào gai, lại mở cửa dinh, thế mà học-trò đều nghĩ-m - tức không ai dám làm đơn-đo (Tư nguyên, q. thên, trang 746, đời Ngũ-đại - sê Hòa-ngung truyện)

Đã in xong

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

lịch sử tiểu thuyết của NGUYỄN-HUY-TUÔNG

— Rất hay!

— Mua ngay kẻo trễ, in có hạn.

TY XUẤT BẢN TRI TÂN
95-97 Charcœurme — Hanoi

GIÀ 3\$60
thêm cước 0\$70

Một bậc danh thần đời Nguyễn Sơ

Đào Duy - Từ

(1570 - 1634)

Khởi sinh DƯƠNG TỰ QUÂN

Cổ chí học...

Từ, người làng Hoa-Trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Thân sinh Từ là Đào Tá-Hán, vốn sinh nhai về nghề xướng-ca. Ta thường có câu: « Cha nào con nấy ». Song câu này không hợp vào gia đình họ Đào một chút nào vì ngay lúc còn tẻ, Từ đã ghét cái cách ra sân khấu múa may quay cuồng hay ngồi lì ở rạp mà đèn-điện trống chiêng. Trái lại Từ chỉ đổ một lòng theo đuổi việc học hành.

Thông minh vốn sẵn tư giỏi, Từ lại siêng-năng, nên chẳng bao lâu Từ đã thông suốt kinh-sử, làm thuộc-văn thơ.

Mùa thu năm 1593, Bình-an vương Trịnh-sùng hạ lệnh mở khoa thi. Bấy giờ Từ mới 21 tuổi, nghe tin ấy, liền đến kinh-dò nộp quyển xin ứng thí. Quan-trưởng xét ra Từ là gò đống gỏi phường trêu, chiếu trong lệ luật, không được ứng thử, bèn không nhận quyển bắt phải dờ về với cái nghề « vô loại ». Từ đành ôm hận mang lều chống ra.

Nhưng Từ không nản chí, định cứ theo đuổi sự học để tiến kế tiến thân, sau vì từ nghĩ rằng: tuy hăng-vàng bia đá, không phải dành dành cho mình thử, song cái bước thang tiến thủ thế giới kia có bắt buộc ai phải lùi lại đâu. Khốn một đời cha mẹ mất sớm, nhà lại nghèo túng, lấy tiền của đâu mà tìm thầy học riêng. Từ đành phải vào làm sinh-viên trường Chiêu-văn Quán. Cụ-giáo dạy ở trường này, tính nghiêm khắc lắm, lễ học trò ai có chút lỗi, dù nhỏ đến đâu, cụ cũng gọi lên quở phạt rất nghiêm, vì thế các học sinh sợ cụ như cọp.

Từ bấy giờ đã biết nghĩ, từ khi vào lớp cụ giáo, không hề sao nãng việc học, tính nết lại rất thuần

bộ, đối với thầy thì một lòng kính cẩn, đối với bạn thì hết dạ yêu chiều, ấy thế mà Từ cũng bị một lần cụ giáo quở trách dữ dội. Từ muốn giữ cái độ điềm nhiên, không lộ vẻ bực giận ai. Một bậc học hỏi Từ:

— Hôm nay cụ giáo mắng anh, sao chẳng thấy anh buồn bực?

Từ đáp:

— Thầy sờ dĩ quả ta là vì ta. Bởi ta có lỗi nên thầy mới rầy la ta; chứ bõng không trách mắng ta thì có ích gì! Ta có lỗi, ta hẳn phải nhận tội, rồi phải sửa mình ta, chứ ta không nên oán thầy. Gán thầy chẳng là bực hại lắm ru?

Làm sinh-viên trường Chiêu-văn quán, đã đành không phải lo-tiền-học, nhưng còn tiền ăn, tiền mặc thì sao? Nhà túng-bần, khó bề tư-rất, Từ nhiều khi thiếu ăn thiếu mặc, nên phải trông vào lòng tốt của một người bạn tri-vi ham mến tại Từ mà tư-rợ cho. Từ, người họ ấy tên Lê-thời Hiễn, quán làng Phú-hào, huyện Lô-dương trấn Hải-dương bấy giờ cũng cùng đi du học ở Đông-kinh (tức Hà-nội) với Từ.

Dập tâm bỏ đất Bắc.

Nhà khi ấy, nước Nam đã chia làm hai phe trong thì chúa Nguyễn, ngoài thì vua Lê. Mà vua Lê bấy giờ lại bị chúa Trịnh chiếm hết cả quyền hành, sự sống của dân về tay kẻ sở, tính là ăn của dân vì dấy kén cỏi.

Cái cảnh đất Bắc vốn không gây được cảm tình hơn cho Từ lại thêm được tin từ khi người con út ở chúa Nguyễn-Hoàng là Nguyễn Phúc

Nguyên (tức Sãi-vương) lêu kẻo nghiệp thì khang lo việc tu dụng các nhân tài khắp nước, nên Từ muốn vào Nam tìm đường lập công.

Trong lúc đàm đạo thế sự với bạn, Từ có bảo Hiên :

« Tôi nghe chúa Nguyễn hùng cứ trong Thuận Quảng, làm nhiều việc ân đức, lại có lòng yêu kẻ sĩ, trọng người hiền, tiếng tăm đồn đại xa gần, nhiều tay tài giỏi quý phò. Vả lại, nước giàu dân thịnh, mưa gió đều hòa, có cái cảnh tượng mỗi ngày một hơn. mai sau tất nên nghiệp lớn. Nếu ta theo vào giúp ngài, thì chẳng khác gì Trương-Lương về Hán, Ngũ Viên sang Ngô, có thể làm tổ rợ thanh danh, ta không đến nỗi phải nài cùng cây cỏ, uổng phí một đời tài giỏi. Tôi muốn cùng anh cùng vào đó giúp họ Nguyễn, lập nên thế mạng để diệt họ Trịnh mà nhất thống sơn hà, định yên bờ cõi, chẳng là việc nên làm ư ? »

Hiên ngâm nghĩ một lúc, rồi đáp :

— « Anh định thế, anh cho là phải, tôi cũng biết vậy. Còn tôi thì tôi nghĩ khác, nên tôi không thể nghe theo anh được. Song nếu anh đã quyết, thì anh cứ đi, tôi không dám có một lời chi nài cản cái chí hướng vĩ đại của anh. »

Hôm Từ sắp lên đường vào Nam, Hiên có đến thăm và hẹn ngày hôm sau cùng từ biệt nhau ở trạm Hoàng-Mai.

Giờ từ biệt, sau những phút hàn huyên, Hiên giúp Từ hai gói bạc, làm từ quả cảm động, nói : « Tôi đi chuyến này muốn dấn xa xôi, thành công hay không, chưa biết, nhưng bấy bĩu tấm lòng quý hóa của anh nó làm cho tôi thêm sức hăng hái. Cái ơn tạ trời của anh, tôi bao giờ quên cho được ! »

Vào Nam

Đi hơn một tuần, Từ đến sông Gianh, từ Linh-Giang, là giới hạn của Bắc-hà và Nam-hà. Cầu ấy có Lư canh gác nghiêm ngặt, thuyền bè ở Bắc vào không được đi qua. Cả dẫu thuyền, nếu không phải là người buôn bán cũng không được tới lui, ông Từ phải nghĩ mưu dùng công tre làm phao để lợi qua sông, nhân lúc tối giờ, rồi lần theo bờ sông Nam đến địa giới Võ-xương. Vào đây, lạ nước lạ non, Từ phải giả làm người bên hạ, đi bơ vơ các chốn xóm làng vắng.

Một hôm, đến phủ Hoài-nhân (tức phủ Bồng-sơn tỉnh Bình-dị bây giờ). Từ thấy địa thế đẹp đẽ, phong tục thuần hậu ; vả, tiền lưng đã cạn, Từ mới tính tìm nơi nương thân. Nhân khi bụng đói chán mồm, Từ bèn vào trong một quán nước nghỉ ngơi. Trong khi mọi người khỏi thuốc, thì phao nước trề ngấm gợn g. Từ thấy họ khác nhau ở thôn Tổng châu có một cụ già, mà là tay điền chủ có tiếng, vừa là tay hào hữ một vùng.

Từ bèn tìm cách xin vào làm đũa ở nhà ấy.

Thoạt nhìn, thấy mặt mũi khôi ngô, có cái đang dấp họ trò, cụ già liền hỏi Từ :

— « Anh quả quán đau, của mẹ còn hay mất kiện làm nghề gì, mà sao phải bước cùn-dõ thế ? »

Từ bèn thưa :

Tôi người Thuận-hóa, cha mẹ mất sớm từ nhỏ vô thân, muốn đi học không đủ tiền ăn nết, muốn đi cấy, ruộng vườn không một mống. Vì thế nên mới phải lang thang khổ sở. Nay nghe nhà cụ có nhiều ruộng, nên tôi đến xin cụ cho tôi được ở chẵn trâu bầu cụ để lấy chỗ nương tựa.

Cụ già nghe, nói, động lòng thương hại mướn nhận cho ở.

Từ đó Từ ngày đêm trâu ra bãi cho chúng tự do ăn cỏ, còn mình thì ngồi đờ đờ, đã xem sách, đến tối về nhà thì nằm một chỗ lờ lờ đắm chìm trong giấc ngủ. Thế ít nó chuyện vớ không a đồ ý đến Từ, coi từ như một tên mụ-dõng vô học khác.

Làm rạng rỡ thanh danh ở vùng

Bình Định

Chuồn ngay qua... Nhân có việc vui mừng, nhà cụ liền chủ làm tiệc mời các nhà tài mả trong vùng, lòng sốt sắng cộng mĩy nhà danh-sĩ.

Xế chiều, Từ đã trâu về, thấy các khách ăn đang bàn luận về thơ văn. Từ cũng lần la lên, đứng vào một góc phòng nghe. Có lẽ cho thế là xác mới trả h :

— « Anh là một tên chẵn trâu, biết chi đến đạo Khổng Mạnh mà đứng đây làm gì cho vô ích. Các bậc túc nho đây cần là hạng quân tử cả, anh là kẻ lêu nhếch, công việc của anh là khi đã buộc trâu vào chổng rồi lui xuống dưới nhà bếp mà ăn cơm rồi đi ngủ, đồ mụ-dõng cóm lại đem trâu đi ăn cỏ. »

(Còn nữa)

Khái Sinh DUYỆC TỰ QUÂN

ĐẠI NAM DẬT SỬ

35 45

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TO

XXX. — Đinh - Tiên hoàng (bắt nốt)

Sau khi đặt niên-tử Thái-bình (vào năm 970), Đinh Tiên - hoàng lập năm hoàng-hậu: một là Đặng gia, hai là Trần - minh, ba là Kiều quốc, bốn là Cù-quốc, năm là Cao ông. Sử thần Lê-văn Hưu có bài bản về việc ấy rằng: «Đinh Tiên-hoàng là người không biết chữ-học, mà bây-tới bấy giờ lại không ai sửa chữa lại, để đến nỗi, mê-dắm thiên-tư lập năm hoàng-hậu ngang nhau Sau Lê, Lý phần nhiều bất-chước, chính là Tiên-hoàng khởi xướng đầu-tiên ».

Năm thứ hai hiệu Thái - bình (971) Tiên-Loàng định phẩm trật các quan văn võ: cho Nguyễn-Bặc (người động Hoa - lư, châu Đại-hoàng làm Bình-quốc-công. Cho Lưu-cơ (người Hoa-lư) làm chức sĩ-sư (bắt chước chức quan coi việc binh của đời Đường, gọi bên Tàu) ở phủ Đô hộ (ba chữ đó-tổ-phủ của nhà Đường đặt ra, phủ-trị ở Long biên, nhà Đinh nhân theo tên ấy, đặt quan đô cai-trị) Cho Lê-Hoá (người Bảo-thái, huyện Thanh - hém, phủ Lý - nhân) làm thập-đạo tướng-quân. Nước ta lúc bấy giờ chia trong nước làm mười đạo, chức thập-đạo tướng-quân là một chức chủ-tướng coi tất cả các quân trong nước.

Đinh Tiên-hoàng sùng thượng đạo Phật, nên định phẩm trật các sư, cho tăng-thống Ngô-chân-Lưu hiệu Khuông-việt thái sư. Lại lấy

Trương-ma-ni làm tăng-lục, cho đạo - sĩ Đặng - huyền - Quang chức sung-chấn uy-nghi.

Một nhà làm sử (Đại-việt sử ký cái-lương của Nguyễn-thích-T.ân, đốc-học Hà-dông, sách viết trường Bắc-cử, số A 1146, tờ 69 a và b) bản về việc Tiên-hoàng tôn sùng Phật-giáo như sau: «Phật-giáo ở Ấn-độ sang Trung hoa, từ đời Hán minh-đế (58-74), sang nước Nam ta không biết từ đời nào có lẽ từ thế-kỷ thứ ba trước đời ấy chưa sách nào chép, mà khi Tiên-Loàng nhất thống nước ta đã tôn sùng Phật-giáo, đặt ra phẩm trật tăng-gia. Có lẽ trong thời-kỷ này Hán quận huyện, Phật giáo truyền sang nước ta từ đây. Tiên hoàng phong châu Lưu làm thái-sư, về sau: hư Lý Thái-đô đối với Vạn hạnh, Ni-an-tông đối với Khô-lân, Tiễn-lông đối với Minh-không, đều tôn làm quốc sư, cho đến dân-gian không làng nào không có chùa, không chùa nào không có sư, đạo Thích ca thịnh-hành ở nước ta, Đinh tiên-hoàng là một cái bề-ừ phổ-tế. »

Trong năm Thái-bình thứ ba và thứ tư (972-973) có việc sai Đinh Liễn đem phương-vật sang bếu vua Tàu, và việc sứ Tàu sang phong. Việt-sử cái-lương (tờ 70 b) có khen Tiên-hoàng là nhà ngoại-giao: «Tân-Loàng tuy khởi từ việc võ, mà chính sách ngoại giao, cũng có thể gọi là người biết thời-thế. nghĩa là lúc bấy giờ bên Tàu

thì nhà Tống mới dấy lên, lần năm nước mạnh, dễ như bẻ cành khô củi mục; thế cường-thịnh rất là đáng sợ nếu mình không giao thiệp bằng ngọc-bạch, (ngọc và lụa, tức là đồ cống-hiến) thì họ tất giao thiệp bằng can - qua (giáo-mác, tức là đánh nhau) mà Ngô-nhật-Khánh - chắc là dẫn người Chiêm-thành, đến trước khi Vệ-vương chưa lên ngôi. Cho nên chịu nhà Tống sách phong mà ba lần đem biếu phương - vật. Thục là một nhà ngoại-giao biết suy-xét lo nghĩ ».

Về việc nhà Đinh giao thiệp với nhà Tống, sử tâu chép hơi khác, vì kể lại lịch như sau này :

« Năm thứ 6 hiệu Khai-bảo (973) đời Tống Thái-đô. Đinh Liễn ở Giao-châu sang cống nhà Tống, vua Tống phong Đinh Liễn làm Giao-chỉ quận vương. Nguyên cuối đời Lý trong (917-921), thổ-hào ở Giao Châu là Khúc Thừa-Mỹ, nhân Trung-quốc có loạn, chiếm cứ cố đất mười hai châu. Nam-Han sai tướng là Lý Tri-Thuận (Sử ta chép là Lý Khắc Chính) sang đánh Giao-châu, bắt được Thừa-Mỹ, đặt chức tiết-độ sứ ở

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1x00 một vé

Giao châu. Đến đầu hiệu Kiên-
đức 963-965 vào đời Tống Thái-
tộ tiết độ-sứ là Ngô-xương-Vân
chết, tham-mưu là bọn Ngô Sử-
Bình tranh nhau cầm quyền,
chức quyền thứ-sứ châu Hán
là Đinh Bộ-Lĩnh đánh dẹp được
bọn Sử-Bình, rồi tự lĩnh Giao-
châu súy, hiệu là Đại-thăng-
vương, phong cho con là Đinh-
Liên làm tiết độ-sứ, rồi nhường
ngôi cho Đinh-Liên IV Nam-Hán
đã mất (971) Liên sang cống
vời nhà Tống. Vua Tống cho
Đinh-Liên chức lĩnh-hải-quân
tiết độ-sứ gia phong tước giao-
chỉ-quân-vương (Thống-giám
đương-mục lục-biến, q. 1 từ
15 a).

Năm Thái-bình thứ năm và
thứ sáu (974, 975) có việc định
rõ số quân, chia trong nước
làm mười đạo, đặt từng quân
lữ. Một đạo mười quân, một
quân mười lữ, một lữ mười
tốt, một tốt mười người, một
người mười người, đều đổi mũ
« từ-phượng bình-dĩnh ». Thợ
mũ này làm bằng da, bốn bên
khấu giáp mẹp, trên hẹp dưới
rộng. Việt-sử cải-lượng (từ 7 a)
chế « Bình-chế » nhà Đinh tuy
nhiều mà không ích gì như
sau này :

« Pẹp quân nhà Đinh kẻ cả
mười đạo, có tới trăm vạn
người. Lúc ấy bờ cõi còn hẹp,
dân số chưa đông, làm thế
nào cho đủ ngạch lính ấy?
Đại khái khi không việc, cho
về làm ruộng cấy, khi có việc
thì bắt ra lính lệ, nên mới đủ
số. Nhưng thà cho về hết thì
những người luyện tập gan
qua ở các nơi làm ruộng cấy
chắc đã quên việc đánh nhau.

Khi tụ lại thì sớm tối thiếu
việc ăn dùng, không khỏi ều
là khổ sở. Huống chi chức tiết
chế lại giao cho cường thần tể,
thì binh-quyền về cả tay một
người. Rút cạ, Đỗ-Thị h khởi
biến, mà quân họ về cũn
cung đình không có mấy người
Bắc, Điền-khởi nghĩa mà quân
thủy quân lục chẳng được bao
nhiều, vậy thì quân lữ tuy nhiều
mà có ích gì đâu ?

Việc định mũ áo các quan văn
vũ triều đình thì sử không chép
đ.

Đến năm Thái-bình thứ chín
(978) Tiên-hoàng lập con nhỏ
(thiếu-lữ) là Hạng Lang làm thái-
lữ, con thứ (thứ-tử) là Toàn làm
vệ-vương. Thế là có ý liên-ái.
Tiên-hoàng đã có con trưởng là
Đinh-Liên, Liên đi theo cha từ lúc
hầu vi, rất là khó học mà lại
cồng cao, nên kai Tiên-hoàng
được nước, phong Đinh Liên làm
nam việt vương. Lại thỉnh mệnh
ở vua tầu, phàm công việc giao
thiếp tới Tầu, đều giao cho Đinh

Liên, mà bên Tầu cũng có g
nhận Đinh Liên làm chủ nước
Nam. Xem như năm 973, vua Tầu
sai sứ sang phong cho Tiên-
hoàng làm giao-chỉ-quân-vương,
Phong cho Đinh-Liên làm lĩnh-
hải-quân-tiết độ-sứ, một đạo sắc
phong cả hai cha con, đến năm
975, vua Tầu lại phong cho Đinh-
Liên làm giao-chỉ-quân-vương,
còn là bên Tầu cũng công-nhận
Đinh-Liên sở nối ngôi của Tiên-
hoàng mà làm chủ nước Nam.
Chỉ vì Tiên hoàng mà dân, thiên-
ái, nên mới lập con nhỏ là Hạng-
Lang làm thái-lữ, và phong con
thứ là Toàn làm vệ-vương.
Có một điều lạ là con nhỏ tu lập
làm thái-lữ mà con thứ thì phong
vuông, vậy thì con nào trên, con
nào dưới ? Và, cũng vì thế, gây ra
cái họa « cốt nhục tương tàn » về
sau. Đến mùa xuân năm sau (979)
Đinh-Liên ngầm sai người giết
Hạng Lang.

(Xem tiếp trang 16)

ĐA PHÁT HÀM:

1 — QUANG RUNG (TẬP II)

của HUA-BANG HOANG-THUC TRAM

Giá : 8\$00

2 — THƠ NGỮ-NGÔN LA FONTAINE

của CÁCH-CHI phiên dịch

Cu Ứng-hoà Nguyễn văn Tố đề tựa :

«...Nhiều cái hay ấy ông Cách-Chi đã dụng công
« phiên dịch, vẫn hay rằng nghệ dịch bao giờ cũn khó,
« nhưng dịch được như thế này đã là khéo lắm »

Giá : 2\$00

Nhà xuất bản :

TRINH-NGUYỄN-LUÂN

121, Chancéaulme — Hanoi

Thơ: « lấy chữ » truyện Kiều

Trong Tri-Tân số 149, ông Tùng Thành có đăng 3 bài thi định nhân vật truyện Kiều trong bài: « Một cách chơi văn Kiền », nay tôi xin theo những điều luật của cách chơi văn ấy làm 3 bài như sau đây :

Vịnh Thúy Kiều

(Bài thứ nhất)

Nặng lòng vàng đá mấy lâu nay,
Chẳng phải trăm năm cũng một ngày.
Duyên trước đã là người dưới nguyệt,
Ước xưa còn gọi bức tờ mây.
Nỗ nhà phận bạc ngơ trần mồi,
Nghiêng nước tài đành có mấy tay.
Trả được nghĩa chàng nào nợ phò,
Cơ trời tác hiệp thật là hay.

Dùng những câu trong truyện Kiều như sau đây: Cung nhau trót đã nặng lời; Trời đem vàng đá mà liều với trái tim; mấy lâu nay một chút lòng chưa cam; cảnh kia chẳng phải cội này mà ra; chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta; đã không duyên trước chẳng tha; Dấu li tâm ý còn vương tơ lòng; tưởng người dưới nguyệt chèo đồng; một lời tuy có ước xưa; Lòng còn gọi ân mây vàng; chiến xa với bức tờ mây; nổi mành thêm bận nỗi nhà; Phận sao phận bạc như vôi; Ngăn ngơ trần mồi bốn lòng; Một mai nghiêng nước nghiêng thành; Sắc đành là một, tài đành là hai; Đành bà để có mấy tay; nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi; Lòng nào nợ phụ nghĩa người ra đi; Rằng trong tác hiệp cơ trời; Rằng hay trời thật là hay.

Bài thứ hai

Phân hơn tài sắc: biểu làm trình,
Đề tội cho ai một chữ tình.
Trưởng rừ, nhân che, sao phận bạc;
Bèo trôi, sóng vỗ, quá xuân xanh.
Cây quý từ khi đã hoa chào ngõ,
Ngành quý còn vương bướm liêng vành.
Cửa Phật tấm thân rày đã nhẹ,
Tiền cơ trả được nợ ba xanh.

Dùng những câu sau này: So bề tài sắc lại là phần hơn; Như nàng lấy hiếu làm trình; chửa xuân đề tội một mình cho hoa; Gạo loan chắp sồi cầm lành cho ai; Lại mang lấy một chữ tình; Em đem trưởng rừ nhân che; Phận sao phận bạc như vôi; Bèo trôi, sóng vỗ chớ mười lăm năm; Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời; một vùng như thể cây quỳnh cành giao; may ra khi đã tay bông tay mang; Hoa chào ngõ hạnh hương bay đến phần; tuổi xuân ngành quýt cho cam sự đời; Dấu li tâm ý còn vương tơ lòng; chẳng như cái bướm liêng vành chút chơi; ở đây cửa Phật cũng không lép gì; Tấm thân rày đã nhẹ nhàng; Ngày xuân đã dễ tình cơ mấy khi; nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi; Vì chẳng duyên nợ ba xanh.

Vịnh Từ Hải

Trần ai đã biết đấng anh hùng,
Nửa gánh guơm đàn, bốn bề không.
Trót đã hẹn lời rằng cá nước,
Làm cho rõ mặt thấy mây rồng.
Đề yêu tài sắc nhà Viên ngoại,
Liền bỏ còn quyền khách Việt-
đồng.
Oan khi tương triền thân bách
chiến,
Về thảo còn đứng vững như đồng.

Dùng những câu như sau đây: Anh hùng đoán giữa trầu ai mới già; một lời đã biết đến ta; Bết Từ là đấng anh hùng; guơm đàn nửa gánh non sông một chèo; Bề nay bốn biển không nhà; Cung nhau trót đã nặng lời; Nặng rằng trót đã hẹn lời; Từ rằng cá nước duyên và; Làm cho rõ mặt phải thường; Tấn-đương hẳn thấy mây rồng ở phen; Tấm lòng nhè nhẹ để siêu anh hùng; So bề tài sắc lại là phần hơn; Có nhà Viên ngoại họ vương; Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời; Còn quyền hơn sức lực thao gồm tài; Họ Từ tên Hải vốn người Việt đồng; Lại thay oan khi tương triền; đem thân bách chiến làm tôi tiểu đình; Khi thiêu khi đã về thảo; mặt nào còn đứng ở trong cõi người; Trơ như đá vững như đồng.

TRUYỀN-TRAI (Huế)

SỚM THU MƯA GIÓ...

(Hay là bài ý nghĩ trong một buổi sớm gió mưa...)

NGÂN-GIANG

Gió... lại gió rồi! Heo may lên từng cơn. Rồi mưa, mưa tầm-tã ào-ạt!...

Mưa gió trong đêm thu lạnh, thực có cái gì se sắt lòng người.

Trong mùa mưa này, không phải ai cũng có được một chiếc chăn để ấm nóng. Ở ngoài mưa gió kia, giữa lúc này, lắm có những người già yếu, những trẻ bơ-ơ...

Lầu hoa mấy bạn lòng, nhưng
gấm,
Hè lá bao người đắp gió
mưa...

Qua hơi lạnh ẩm, thấy loạt gió thổi lại nhốt ngay cổ áo:

Đêm qua gió lúp, mưa sa,
Tức thay hoa rụng, bết là
bao nhiêu!

Người xưa thương hoa rụng, vì lúc ấy hương vụ! ủa. Bây giờ đến mùa cúc rồi, nỗi thương hoa cũng được tạm khuây; vì cái giống hoa an đặt này đây, có ngai-ngung phụng vũ! Cho nên khi nghĩ tới nụ cười của hoa trong gió, lại tưởng đến nét gầy của hoa trong sương, lòng càng thêm hình ảnh loài hoa mùa thu.

Giá là cánh đào, thì đã tội-tã. Giá là hoa phũ-dung thì đã tàn phai! Chịu được với sương muối, gió may, riêng có hoa của 10 Đào Uyên-Minh: trang-nghiêm, diễm lệ.

Thướt tha muôn cánh hoa
vàng,

Toả bên đài ngọc diệu - đang
trong thu.

Trời cứ sáng dần dần... Buổi sớm của ngày trong thu heo-tút lắm!

Bỗng có tiếng rao báo từ xa vắng dõ, một tiếng, hai tiếng... rồi ba tiếng... Rồi từ nồm xa xa ấy đưa dần lại, dõ lên, như n'ưng tiếng kêu dài của người chửa dẫy a-uất, dõ phả vào trong gió sớm lạnh-lùng.

Không hều làm sao, tôi nghe tiếng cồng dõ, bỗng rộn mình: Có lẽ là tiếng của thầy trò, có lẽ cũng là tiếng của người già. Mà đây lần là một đám học-mưu, sinh, có cạnh-tranh có vật-hoàng dương đến ra ngoài đường phố giữa lúc nhiều nhà trong ruộng, trên lúa, êm-đềm mộng đẹp đương say. Gió cứ lộng tưng... Tiếng rao lúc nghe như thà: thach, lại có lúc hình như đầu dây có lời rên-rỉ, vad xin, oán trách...

Hồi cái học dõ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000.

Cảm thấy thế, cứ xin chép ra cho đúng với lòng. Tiếng rao lúc ở ngoài đường khiến tôi nhớ những ngày ôn tập ở cô-thôn (một làng cuối chân thành): trong ngõ có một bà cụ, tuổi ngoại bảy mươi, hai mắt lơ lửng, mà sáng nào cũng đi rao báo ngoài phố.

Bà cụ ấy tay phải cắp Láo, tay trái đưa ra vịn vào vai thằng cháu Ló. Người già thì tuổi tác quá cao, mà dứa trẻ thì sức còn non dại!

Tiếng bà cụ rao báo thều-thào, như người giới-giảng bên đường bệnh. Bước bà cụ đi chầm-chầm như lần đường về nẻo chầm-bạc...

Hai bà cháu cụ ấy có lẽ là hiện-thân của những Nghèo nàn, Khổ não!

Than ôi, đến khi ánh nắng ấm-đạm của những sớm mùa thu ấy đã lườn qua khe cửa, vào đến trong nhà, nghĩa là vào khoảng bảy, tám giờ sáng, thì dây dõ tiếng rao báo đã từa từa, vểnh, một lúc có khi dứt hẳn! Chính khi đó, có phải những cô-hong ấy đã khuan rồi? Những buổi phôi ấy đã ráo rồi? Những sinh-lực ấy đã vơi đi một ít rồi?.. Nghĩ vậy, tôi bỗng giật mình, nhớ tới một sớm mùa thu lạnh, cũn quê nhà: tôi trở dậy rồi bước ra ngoài vườn, sương sớm óng ánh trong lòng hoa. Trời giá ngắt! Hình như đêm trước đã nhiều mưa gió, mà mưa gió lại quá tội-hội! Từ đó đến một nỗi thương sót lên vào tâm tư. Tôi dạo khắp vườn, cúi xuống những nụ loa hàm-tếu của mấy giò cúc đại đóa, có ý muốn gửi hoa một chút tình thương. Bỗng lòng tôi se lại, thấm-thía khi nhận thấy trên một đài hoa có cái đôi cánh bướm đã lên phấp phấp!

Vậy, nếu ai sẽ nhìn thấy một chiếc bướm lèo kuô trên đài hoa giữa một sớm đầy gió tanh và sương muối, chẳng lẽ biết thế nào là một mối thương-ám.

Cho nên, bây giờ, tôi cứ nhớ đến mỗi buổi sáng tôi đi vào bên.

tay dãn-dẻo của bà cụ lão ấy mấy đồng xu để đổi lấy tờ báo la lổng còn thấy hồ-lũ: xúc-cảm... Rồi tôi lại hên-tuổi g-tới: nững đưa bé bán báo trong buổi sớm giữa nơi kinh-thành biểu họ này.

Từ nhỏ, tại làm sao cứ đề họ phải rao lên, hét lên trong những khi các nhà báo có thể cho họ một cách thuận-tiện hơn đề họ làm việc. Tại sao không trao cho họ mỗi đưa một cái chuông hay bộ khẩu? (hãy họ phải lo mua lấy khi họ muốn làm nghề bán báo)

Khi tiếng chuông hay khánh khắp nơi rung lên, á là có báo bán đó! Rồi thành lệ, người ta sẽ quên đi. Từ đây sẽ không phải dùng đến tiếng rao vô phờ để cạnh tranh nhau của những người làm cái việc có thể gọi là đẹp-dẽ, việc đi báo tin-tức và gửi gắm văn-chương cho mọi người.

Tờ báo được coi như tiếng chuông, tiếng khánh vang lên mỗi buổi sớm mai để đánh thức giấc say của dân-chúng, còn gì thì-vì bằng!

Nhân thấy trời thu gió lạnh, và nghe tiếng nững trẻ rao báo ngoài đường hoặc cá phố xa gần, vọng lại, tôi vội viết ra những ý tưởng của lòng. Ráp mong người đón phương trời sẽ cũng - tâm hưởng ứng, khiến cho những đứa trẻ bán báo được giữ gìn lấy chút hơi non.

Luôn trong mưa gió lạnh, giữa lúc tôi viết mấy giờ này ở cuối phố vẫn còn vắng đến giêng dĩa sẽ rao báo đã khàn-khàn vì... mệt nhọc!

NGÂN-GIANG

Viết một sớm thu mưa gió
(Trích trong tập Bất-kỷ)

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 18)

Lúc bấy giờ trong nước yên-đón ngoài (cô) phục-tùng, đáng lẽ năm một chỗ gối cao mà yên hưởng thái-bình mới phải, ngờ đâu một việc đáng lo sợ lại ở trong kế nã-b, tức là việc « Đổ-Thị b thi Đình Đình », Đổ-Thích trước kia là tiểu-lai ở Đông-quan, có một đêm nằm ở trên giường, thấy sao sa vào mộng tự cho là điềm thần dị, mới hy-vọng những việc trái-phép. Đến lúc này (979) Đổ Thích làm chức chi-hậu nội-thị nên được gần vua, ra vào tự nhiên. Nhân hôm vua say rượu nằm ở sân trong cung, Đổ Thích giết vua Thiên-hoàng và Đình-Liễn, triều thần biết, ra lệnh bắt rất nghiêm ngặt, Đổ Thích trốn ở ngoài nước trong cung, đã qua ba ngày, tìm

không thấy, gặp hôm giới mưa mà Đổ-Thích lại khát, thấy tay hứng nước để uống, cung-nữ trông thấy, chạy đến báo Nguyễn-Bạc. Bạc bắt Đổ-Thích giết chết. Đại-Việt sử-ký toàn-thư (q. 1, tờ 6a) chép rằng: « Cung-nữ trông thấy Đổ-Thích đến báo Định quốc công Nguyễn-Bạc. Bạc sai người bắt chém, giã nhỏ sòng, làm nát thịt, chia cho người trong nước ăn chẳng ai là chẳng tránh nhau ăn thịt ».

Định-quốc-công Nguyễn-Bạc cùng bọn Đình-Điền Lê Hoàn đón vệ-vương Toàn lên ngôi hoàng-đế, truy tôn Đinh Bộ Lĩnh là Tiên Hoàng-đế.

(Còn nữa)

Ứng-Học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sắp in xong

« PHẢN ĐẤU »

của MINH TUYỀN

Một tập thơ hàng-tràng ca-tụng sức sống mãnh-lệt của dân-tộc Việt-nam và sức tranh - đấu khằng-khiếp của Loài Người với Tao-Vật.

Một tập thơ mã-lý phết nhìn qua toàn-thế-lịch-sử Nhân Loài để bày tỏ những quan niệm về Tao-Hóa, về vũ-trụ về lý-do tồn-tại của nhân-sinh.

Tựa của Hoa-Bằng, một thiên khảo-cứu rất công-phu, tổng quát những biến-thiên trong lịch-sử thi ca nước ta từ trước đến giờ.

Họa sĩ Trịnh-Văn-trình bày bla và vẽ nhiều phụ-bản rất mỹ quan, mỗi tấm phụ bản có một màu-sắc đặc-biệt

Đón coi

Bài phú Trung lễ thất hỏa của LÊ THUẬN

Lữ Ký

của Biệt-lam TRẦN-EUY-BÁ

CHỮ NHỎ HỌC LẤY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Toàn bộ 2 quyển

G á 4\$00 hoặc 0\$45

Bản tại :

Hệ thống Đông Tây, 185,

phố hàng Bông — Hanoi

Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ

Số 69

Ứng học NGUYỄN VĂN TỐ

CXXXV. — Kim-Vân Kiều
(bài nối)

Câu « Ba quân chỉ ngọn cờ đào, Đạp ra Vô-tích, đạp vào Lâm-chuy » đối người gả một người: người thì gả hai đạo đi, còn một đạo ở nhà; người thì gả đạo «nét cũng có ba quân, là trượng, tiền, hậu, hoặc trung, tả, hữu; nhưng chính chữ « tam quân » sách «Thử » là một vận hai người nhà trước người là một quân. Plép nhà Chu, Thiệu-tử sách «Thử » chữ «bầu nước lớn ba quân, nước vừa vừa lại quân, nước nhỏ một quân » thì Xuân-thu trở về sau, gọi « tam quân » là ba quân, chữ không phải là số ba.

— Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Tính (in năm 1920, tr. 146, và năm 1943, tr. 560), phương bản của Quan-văn-đường (tờ 72 b), Kim-Vân Kiều chú (sách viết Trương Bắc-cổ, số AB 233, q. 2, tờ 4 b) chép « Chếu đánh truy nã, đem về Lôi tra »: chữ « đem » với chữ « bắt » cũng như nhau; còn chữ « truy nã » với chữ « tam-nã » thì tưởng chữ « truy-nã » phải hơn, vì việc đã qua rồi, theo sau má bắt, thì dùng chữ « truy » mới phải nghĩa: « truy » chính nghĩa là đuổi theo.

— Bản Quốc-ngữ mới (1943, tr. 561-562), phương bản và Kim-Vân

Kiều chú chép là « Đạp trên bảo kiếm, phực chôn ghê Kéo thay một mỗ tóm về đây nơi ». Kinh bản chép « Ghĩa đi mồi, ngả, lăm về dôi nơi »: Quốc-ngữ cũ (tr. 145) chép là « Sai đi ác, dôi dôi về đây nơi ».

Các bản đều viết « Cho guom mới đến Thúc-lang, Một như cội am đồ, mình đường gổ-giua ». Duy phương-bản chép « Cho guom đưa đến Thúc-lang », kinh bản chép « Sở lên trước tướng Tí ác lãn ».

— Các bản đều viết « Kén bỏ miệng chén chứa lâu, Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ». Duy kinh bản chép « Mưu sâu đánh trả nghĩa sâu cho vừa » phải hơn: chữ « đánh » tỏ ý Thúc Kêu không hại Hoạn-thư. Vậy thì câu « Lòng riêng mừng sợ khôn cầm, Sợ thay má lại mừng thêm cho ai » xưa nay vẫn gả chữ « cho ai » là ám-chỉ Thúc Kêu, nhưng trên này Thúc Kêu đã nói ra « đánh trả nghĩa » cho Hoạn-thư, thì chữ « cho ai » này là Hoạn-thư mới phải.

— Các bản đều viết: « Kíp truyền, chừ tướng biến-phu, Lại đem các th.b phạm-tù hậu-tra ». Duy quốc-ngữ mới (tr. 57, a) viết là « phạm-đồ », thế là trông ni âm chữ « tù » ra chữ « đồ »: chữ « tù » trông giống chữ « đồ » là toan, hoặc địa-đồ. Nếu thật tác giả dùng chữ « phạm đồ » thì phải viết chữ « đồ » là lữ, chữ k'ô g viết chữ « đồ » đúng chũng hơ g ông chữ « tù ». Nhưng chữ « phạm đồ » cũ g có nghĩa, lúc là lữ tộ p am.

— Các bản đều viết « Tr'ỉ lòng gáy v'ết chổng gai, Còn ph'ợ lượng b'ồ thương bài r'áo ch'áng ». Duy

kinh bản viết « Trót đã », p'ải hơn.

— Đến câu dưới, các bản đều viết « Khen cho ti ật đã nên rằng. Khôn ngoan đến như », p'ải rằng phải lời ». Duy kinh bản chép là « Khen cho khéo đã nên rằng ».

— Các bản đều viết « Trước là Bạc-hạnh, Bạc hà, Bạc là Ung, Khuyển, hèn là Sở Khanh ». Duy kinh bản chép: « Bạc là Bạc-hạnh, Bạc hà, Nào là Ung, Khuyển, nào là Sở Khanh », p'ải hơn, vì đặt chữ « trước » và chữ « hèn » thì ở câu kỳ, mà bản cũ thì ở câu kỳ không nói rõ. Treo kinh bản thì lời văn tự nhiên hơn.

(Còn nữa)

Ứng học NGUYỄN VĂN TỐ

Nhiều quyền sách tìm
mua không còn nữa!

Tủ sách q. 1 của bạn, vì cho mượn hay vì mất cắp mà thiếu nhiều quyền nay tìm mua khắp nơi không có, bạn hãy viết ngay thư kèm kèm 0 \$ 15 cho:

Kiosque Thanh Tào
Vinh

pai ngày sun, bạn sẽ nhận được sắp giấy danh máy kê lên trên 200 q đn, đủ các loại (khẩu - cửa, phê - bình phóng sự, kịch, thơ, tiểu - thuyết) xuất bản từ 1940 đến nay.

M a 1 lần 30 \$ 00 bạn sẽ không phải chờ đợi nữa, Thư nào chủ g 15 không có, sẽ có tìm mua giúp bạn

HAI MƯƠI BÀI TẬP KIỀU

truyện của Hà Tôn - phủ

Số 2

XXXX -
SONG CỐ

Hồi thứ mười

Mặt mo chàng Sở vóc bèo.
Lớn, vồ, mụ Tú dạy ngón...
Hết lời thư thục thì thề cầu,
Mất mồi đi thấy ở đâu dẫn vào!
Chém cha cái số hoa đào!
Gần đây nào phải người nào
Thôi thì mắc lặn thì ti ôi,
Lấy mình mà gả nợ đời cho
Này con học lấy làm lòng,
Nước đời lắm nổi là lù ỉg khắt
khe.

Hồi thứ mười một

Trách trời già: lâu xanh,
hận ngọc!
Xót phận trẻ: nhà vàng,
ngọc treo!
Bình-khang nấu nà bấy lâu,
Đề ai giảng rót hoa sầu vì ai.
Cho ba, muôn sự tại giới,
Khéo thay mang lấy, sao tài làm
chí.
Những là nường nấu qua thì,
Giấy duyên sau lại xe về Thúc-
lang.
Người yêu-diệu, khách vắng,
chương,
Giá này dầu đúc nhà vàng
cũng nên.

Hồi thứ mười hai

Vệ Hoa-duyên khéo xoay
ở Mã.
Thúc Kỳ-lâm mừng gặp
nàng Vương
Thúc-sinh quen thói bốc đời,
Ra tay tế độ vớt người trầm
luân.

Những mừng được chốn yên
thân,
Hoa xuân đương nở, ngày
xuân còn dài.
Đàn-đò râu sắc, cần tài,
Thức ông thời cũng đẹp nhờ
phong-ba.

Rõ-ràng thực lừa dối ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm
bao!

Hồi thứ mười ba

Đau lòng ly biệt: đi ở giường
giường.

Gớm máu ghen tuông: trong,
gọi bầy-bị

Nghĩ tình chàng Thúc mà
thương:

Mỗi sầu xẻ nửa, bước đường
chia hai

Bây giờ một vợ, một giới,
Trước hăm sir-tử gửi người
dang la.

Chàng về xem ý-tử nhà
Trước là đẹp ý sau tả biết
tình.

Khi tình rượu, lúc tàn canh,
Nào ai có khảo mà mình lại
tưng,

Hồi thứ mười bốn

Khuyển, Ung nhà Hoạn khéo
đánh lặn sông.

Mỹ-nhân họ Vương đánh
cam giầy giạn.

Tình ngay ai biết mưu gian,
Sự này hỏi Thúc-sinh-lang mới
tương.

Vì ai nêu nổi dễ dàng
Bắt về Vô-tích tìm đường bẻ
hoa!

Vợ chàng quý, quái tính ma,
Cố nghe mình trước, chẳng là
lụy sau,
Tiên-ta, ta phải lo à:
Phận son hậu, giữ cớ, hậu,
dám sai!

Hồi thứ mười lăm

Sống nơi địa ngục - nín-
liếng, im hơi.

Mượn cớ từ bi: chép kinh
rỗi nguyện.

Nghĩ rằng ngựa ghê, đòn ghen,
Hay đau địa-ngục ở miền nhân-
gian!

Làm cho trông thấy nhân tiên,
Khiến người trên tiệc cũng
lấn tấc lòng.

Thưa rằng lượm cả bao dung,
Cũng cho khối lụy trong vòng
bước-ra.

Nàng từ đã gót vươu hoa:
Giấm chua lại tội bằng ba lửa
nồng!

Hồi thứ mười sáu

Quạ-ám các, đàn liêu
cùng than thở.

Văn-thủ an, gửi húng lại
ngâm-đề.

Thừa cơ sinh mới lều ra;
Tiêu-thư dân đã gót hoa bước
vào.

Sượng sùng đánh dạn ra cháo:
Ăn làm sao, nội làm sao, bây
giờ!

Đương khi bất ý chẳng ngờ,
Rắp đem mệnh bạc ra nhờ
cửa không.

Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Gót liền phút đã thoát vòng
trần-ai.

Hồi thứ mười bảy

Cửa Phật gặp mưa, sa chận
trục lạc!

Lầu xanh nằng nặc, để mắt
anh-hàng.

Nghĩ đời mà ngán cho đời:

Người đầu mà lại có người
tinh-ma!

Kể từ lạc bước chân rày,

Càng may lại gặp một nhà
Bạc kia.

Họa-khôi tên gọi Kêu-nhi,

Phải người giảng gió vắn vì
hay sao!

Lại đây, hỏi khách má đào!

Tấm lòng nhi-nữ xứng siêu
anh-lùng.

Hồi thứ mười tám

Gươm Thúy-Kiều giết kẻ làm
bậy.

Vàng Từ-Hải lạng người có
ơn.

Cũng ngôi mệnh phụ đường-
đường.

Chút còn ăn oán đôi đường
chưa xong.

Anh-hung mới biết anh-lũy,

Khéo trong gặp-gỡ cũng tình
chuyên-vần.

Trương hăm mở tiệc trung-
quân,

Nửa phần khiếp sợ, nửa phần
mừng vui.

Nàng từ ăn oán xong-xuôi,

Đành lòng nàng cũng sẽ người
dần dần.

Hồi thứ mười chín

Đem thây về với, Từ Hải
taiệt đời!

Dứt ruột còn gì! Thúy-Kiều
nhẹ kiếp.

Nghe nời thành hạ yêu mình,

Trắt cơ Từ đã thu linh trận tiền.

Thúy-Kiều tài sắc khôn-ngon.

Cho duyên dắm-thắm ra duyên
hề-bàng.

Một mình đây đứng trăm đường.

Kiếp sao cầu những đoạn
trường-thể-thời!

Phận sao phận bạc như vôi

Tấm lòng phò mặc trên giới,
dưới sông

Hồi thứ hai mươi

Kim-Trọng đau thương
chứa hồn người sống.

Thúy-Kiều mừng rỡ, chấp
mồi tàn xưa.

Nguyên người quanh quất đầu
ta!

Người còn sao bỗng làm mà
khóc người!

Thấy người quyết đoán! Ấy hoi

Diện ta mà cũng phước gì
chỉ không.

Dược rày tại thế tương phùng

Một nhà tiếp nập kẻ trôi người
ngoài.

Cùng nhau sống mà cả cười:

Nợ chàng Kim Trọng là người
ngày xưa!

(hết)

SỐ VU LƯU

TU SÁCH NUỖY NƠI

Đã phát hành:

KHÔNG GIÁO

[với]

Ô. ĐÀO-DUY-ANH

Nguyên văn Diễm

Phê bình và nghiên cứu

Giá 4\$00

Nghĩa cứu thế rất rõ rệt, những đội
lực xã hội và lịch sử góp cho sự
thăng thế của không giáo.
Bầu lộ thật rõ vai trò đáng cấp của
không giáo.

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc: **LÊ MỘNG CẦU**

on

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Một xuất bản hai cuốn.

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm Xuân-Đỗ phổ thơ thuật

Tên cuốn « Le livre de la Jungle » của R.
Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú,
nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng hân Vương

Là A. de R.

Bình-phản cuốn này, C. Cadère đã nói:
« So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ ngâm,
thì Lục súc tranh công có tự nhiên, phổ-
biến và có vẻ « an-nam » nhiều hơn hẳn ».
dày 170 trang khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và
có ảnh.

Mỗi cuốn bán thường 4.000 hoặc 0\$39

bản giấy, Đại la 12\$00 hoặc 1\$00

Tổng phát hành

M. A. L. F. H.

41, Rue de Pipre Hanoi

Phong trào sách báo

(Tiếp theo trang 8)

Giấy in sách báo càng ngày càng hiếm. Các nhà in không vào được và số sản xuất trong xứ không đủ để cung cho sự cần dùng.

Một phần nạn đói, chính phủ đã ra lệnh không cho phép xuất bản các sách xé rách vô ích và đã buộc các nhà xuất bản phải xin phép lấy môn bài.

Có người bèn nên hạn chế thêm các nhà xuất bản để cho số sách ra rất ít.

Nhưng hạn chế bằng cách nào? Là tất nhiên không thể căn cứ vào đời sống của một nhà xuất bản mà công nhận là nhà xuất bản ấy chính thức.

Lại cần phải xét đến phẩm và lượng các sách đã xuất bản vì đó mới là nhân giá trị của một nhà xuất bản có lợi ích tâm.

Hạn chế nhà xuất bản là một phương pháp tối quan trọng và rất nguy hiểm nếu có can thiệp đến đời sống của con nhà cầm bút.

Không cần nói a cũng rõ, những nhà văn ở xứ này phần nhiều thuộc vào hạng vô sản và chỉ còn trông cậy vào một bút của mình mà sinh sống.

Nhiều tờ báo vì tình thế kẹt bán đã phải xa lìa độc giả mà góp mặt trong nghĩa trang báo chí. Biết bao nhà văn nhà báo trước kia đã từng múa bút trên văn đàn nay phải im hơi lặng tiếng mà làm vào văn nghiệp nhân từng kết. Họ đang làm mồi cho các bệnh tật và đánh lông trao thân thế cho vì trường tạo thành họ để một phần gia âm thanh tất nghi trong các lứa trẻ em, nhiều quạnh!

Một phần đời của nhà văn hiện thời chỉ còn trông cậy vào chút ít tài năng, cảm xúc viết sách để sinh sống cho qua những ngày tàn khốc.

Viết xong sách, hợp với văn giáo cho nhà xuất bản để lĩnh non lộc già chút tiền nhuận bút. Mà tiền nhuận bút của một tác phẩm ở xứ này phỏng được là bao. Vì số in ra có hạn nên một cuốn sách khảo cứu hay văn chương hàng trăm trang giấy mà chỉ bán được vài trăm đồng là hậu. Với số tiền bạc bấy ấy các nhà văn không kỳ quật mà vẫn vui lòng theo đuổi mộng văn chương để phỏng sự những cái thiêng liêng cao quý.

Nếu một mai số các nhà xuất bản giảm dần, các tác phẩm không được đem in thì số phận cheo neo và điêu đứng của một số đông nhà văn hiện đại lại càng đều đứng và cheo neo hơn nữa! Thân thế họ sẽ bị áo cơm hằng ngày hành hạ. Họ không còn trông mong vào đầu mà cũng cấp cho sự nhu cầu thiết yếu của gia đình đông đủ.

Số nhà xuất bản giảm đi không những sẽ làm khốn quẩn một số đông nhà cầm bút mà còn số đã một số đông anh em lao động vẫn sống về nghề in sách báo làm vào cảnh túng thiếu túng ngày!

Hơn nữa, các môn ăn tinh thần của quần chúng sẽ giảm, đi nhiều. Sự thiếu sách báo sẽ thả rộng các thói hư tật xấu để làm việc cho sự đồi phong bại tục!

Tại là một mối lo lớn cho số đông người không còn biết tìm cách sống nào khác trước mặt sống gay go của thời cuộc gây nên.

Có lẽ nạn khan giấy đã làm cho mỗi của cái ảnh thế khó khăn ấy trong đám các nhà văn và nhà xuất bản.

Sự khan giấy sẽ bớt được một phần lớn nếu số bột giấy dùng làm các vàng mã sẽ giảm, riêng cho việc làm các giấy in sách báo.

Và hết thảy mọi người trong văn giới đều tin rằng với các phương pháp sáng suốt khác của nhà đương cuộc có thể cứu vãn được nạn khan giấy để tránh khỏi giảm các nhà xuất bản với nạn xó đầy các văn nhân vào cảnh thất nghiệp nguy nan.

Phần đông các nhà văn nhà báo bao giờ cũng là những người biết hi sinh từ tội cho một nhiệm vụ lý tưởng, biết sống sáng tự coi mình là kẻ tiên phong để hướng dẫn dư luận và chỉ đạo cho đại quần chúng.

Những nhà cầm bút lại là những người rất có ảnh hưởng đến việc khai hóa dân trí.

Hết thảy mọi người đều thiết tha mong những nhà cầm bút không vì nạn khan giấy mà im hơi lặng tiếng trên văn đàn để cùng các nhà xuất bản làm việc cho văn hóa của đất nước.

PHẠM-MANH-PHAN

Hộp thư

Ô. Trương Sơn Qui Nhơn: gửi thư cho ông C.B.P. tôi soạn báo Tin Mới Những số báo ông. Hội hiện kết cả.

Ô. Đặng * Phát Ba Liền: những báo ông hỏi hết cả. Rất tiếc.

Ô. Văn Vĩnh Long xuyên: không có lệ lấy nữa vì giấy đắt và công in cao. T.P

Tự-vị thuộc tây

(Tiếp theo trang 4)

mới trả lời hộ ông Chu-Thiên về chỗ mâu-thuẫn ấy?

Nhưng trong bài phê-bình tôi chỉ nói lướt qua, tôi dẫn câu: «Nữ yếu thái thịnh, nghĩa là con gái hiền quá nhiều» ở quyển Việt-sử tổng-vịnh, là cố ý để ông Chu-Thiên mở sách xem lại chứ có phải tự ông Chu-Thiên dịch ra đâu!

Thế là chỉ có 16 dòng phê-bình mà Văn mới cũng không xem nổi! Đến ngay sách của Văn mới xuất bản, Văn mới cũng quên ông Chu-Thiên chỉ viết câu «Vua thường ham mê nữ sắc, phát ra bệnh lễ nhiều»! Ông không hề dẫn đến câu Việt-sử tổng-vịnh, mà câu của ông cũng không phải là dịch ở Việt-sử tổng-vịnh. Thế mà Văn mới dám bịa ra rằng «câu của ông Chu-Thiên là dịch (?) ở câu «chữ như chép trong Việt-sử tổng-vịnh.»

— Bịa ra thế để làm gì? — Để kiếm chuyện «nghĩ loạn»! Nhưng không ngờ thế là thế cái kếm của mình ra, mà lại lộ cái chỗ mâu-thuẫn của ông Chu-Thiên! Thảo nào chữ Tây có câu: «Tuồng cái bực bẻ mới là, phản bực!»

Xem thế đủ biết việc dẫn sách là việc rất cần, không những là đúng phép làm sử, lại còn tránh được tiếng «mượn không xin phép» Như ông Lương dự Thiệp làm quyển Xã-hội Việt-Nam cho Văn mới, «mượn» bài ông nghệ triêu Lê-như lại «quên» không dẫn. Ông Nguyễn-dữ Quỳnh, chủ bút Văn mới, làm quyển sử A-cập viết ở trang 74 một câu rằng: «So với những pho tượng-Hào-thầy ở trong các

làng làm, hay tạc ở trên các thành quách (?) thì thấy rõ người dân A-cập cổ thời rất (?) tương tự giống người (?) fellahs vốn là dân bản xứ A-cập hiện đại». Câu ấy ông Quỳnh dịch ở sách Tây, nhưng dịch sai, mà không nói là dịch của ai, làm như của mình đặt ra, tôi đã nói qua ở Trí-Tấn số 114, ngày 30.9.1943, trang 4. Câu chữ Tây như thế này: «Les statues trouvées dans les tombeaux, les personnalités sculptées dans les bas-reliefs qui ornent les monuments, montrent que les Egyptiens d'aujourd'hui ressemblaient aux fellahs ou paysans d'aujourd'hui. — trích ở quyển A. Malet, L'antiquité tr. 7)

Giả ông Quỳnh dẫn sách, tức là làm cái việc ông gọi là «tờ a tờ b», thì ai dám bảo ông là đi «mượn», dám đồ cho ông là phạm «quyền sở hữu»?

Ở bài phê-bình tôi chỉ nói qua những chỗ ấy, nhưng Văn mới không muốn hiểu, bắt đầu dĩ tôi phải nói lại cho rõ.

Ấy thế mà Văn mới còn bịa ra chuyện «nô lệ sách vở». Đó phải tại thế mà Văn mới không dẫn sách không? Nếu thế thì nhầm lắm, mà tôi rá rằng Văn mới chưa biết cách làm sử, và lại mang tiếng là chép văn của người.

Văn mới viết ở tập Nghị luận (trang 77-78) một bài đề là Lý luận hủ nho, trong có câu kết rằng: «Tán nhơ bầy cừu nhơ mà vẫn cái lối nô lệ cổ-nhân, nô lệ sách vở như thế thì cũng vẫn chỉ là hủ nhơ thôi vậy». Tôi dám chắc ai đọc đến câu ấy cũ g phải bật cười, vì đã chê hủ nhơ mà lại dùng hai chữ «trôi vậy» (dĩ hĩ) chính là lối văn hủ nhơ!

Lại trái với câu Văn mới đang ở phía trang dưới (h. trang 82

cùng số Nghị luận này). Câu ấy nói «ông Hoàng-dạo-Thủy có cái tham vọng làm một bậc «thầy» sáng suốt dẫn đạo thanh niên Việt-nam trong cuộc sống hiện tại». Văn mới lại nói thêm rằng: «Chứng như lấy thế làm mẫu mực, ông lại còn muốn làm thầy tất cả các bậc thầy ở xứ ta».

Văn mới nói như thế, có phải trái với đoạn «...phải lấy gia-dinh làm trụ... vì sách đã có câu...» ở trên không? Đến bài này nói tới ông Hoàng-dạo-Thủy, là một bậc hướng-dạo đạo thanh-niên tôn trọng, thì Văn mới lại nói trái lại như câu «...làm thầy tất cả các bậc thầy...», rõ ràng mâu-thuẫn với câu «nô lệ sách vở» mà không biết!

Chẳng những thế mà tôi, lại còn bác cả việc kinh lễ tổ-tiên! Văn mới thật là có tội với văn-hóa nước nhà!

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

In nhảm

Kỳ này, ở bài một «Đức Thánh đời Nguyễn Sr, (trang 10) dặt cái đầu để «Đào Duy Từ» xi: đọc (1572-1634) chứ không phải 1570-1634 như đã là.

Nhà sách

NGUYỄN KHÁNH DÀM

62, Marechal Foch — DALAT

Ban đủ Bản chỉ sách vở

Nhận đóng sách

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ:

An Cựu

* Khiến nhà lỏng An-Tư công-chúa
và hoạt Houn, đợc thư quốc nưn đã. *
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng-hương hồn miễn thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 13

Trong buổi đầu xuân, Quốc-công càng mọi người nâng chén rượu thề quên thân dưới gươm. Ý hào hùng của tráng sĩ nhô hơn gò núi, cung kiếm đẹp hơn gió bão và những tiếng chan chát của cơn say vui hơn tiếng pháo. Người ta mừng t.ôi nhận, người ta hỏi nhau về binh thư, về võ nghệ, người ta thì đại sát, thì chạy nhanh; và giải trí, người ta quây quần nghe những bạn hát g.đi hay đàn sáo hay, vỗ tay làm nhịp hay múa kiếm mua vui. Cho nên ở đây, tuy sắc mù chiến tranh, binh chết phảng phất, mà cuộc đời có một sinh khí vô cùng thanh-lãng vào qui. Người ta đã hưởng một t.ết lạ lùng, ra ngoài khuôn khổ t.ết của người thường, người ta cảm thấy cái say của kiêu ngạo của chàng thủy thủ đứng mũi thuyền cưỡi chọi với sóng gió, vung tay mình lái, cố tránh cho những kẻ ngồi trong khoang ấm n.ổi chết d.ớt v.ực sâu. Vương đã dần dần thân với ul.ững anh hùng mà chàng kính phục và muốn theo gương cau dừa. Cuáng quyền luyến tất cả mọi người, những bất tài của nghệ binh đao càng làm cho họ thân nhau, giúp

đỡ lẫn nhau, không tính toán không qu.ả công. Chỉ vài hôm chàng đã hoàn toàn, là người con yêu qui trong đại gia-đình Quốc-công.

Và chính ở đây, chàng mới cảm thấy tất cả cái nghĩa của gia-đình, vì ở đây người ta sống hòa hợp nhau, anh em ruột cũng không có những hi sinh như thế. Quốc-công qua t.ết đáng là chủ cái gia-đình ấy.

Chính gia-đình rộng của Quốc-công thì đã phân li rồi. Pau-nhân và Nguyễn qu.ân-chúa mà bóng liêu thường tu.ổi t.aa trong vùng Vạn-kiếp, nay đã t.aa lánh vào miền trong. Tr.ang hôn vương tử, một người vì có tội, đã bị Quốc-công đ.ay ra ở một ch. lao xa lánh ngoài b.ên đông, bạn với sóng g.ò, chim trời và gió; b.é Ba người ở nhà cũng ch.ả g. lương một quyền lợi gì đ.ợc b.ết, và t.ương v.ẫn chung những nguy hiểm của mọi người.

Ở đây, Đại-Vương dễ t.ết chán thành; t.ương b.é đ.ợm một màu vô c.ử g. th.án ái. Người ta cũng như Quốc-công, ai cũng yêu gia đình mới với tất cả tâm cau ph.ổ phủ. Ba nghìn môn khách của

Quốc-công cũng đ.ợc Đại-Vương t.ua t.ái đ.ầu sức, đ.áp. ợc người có độ lượng như Mạnh thường qu.ả mà t.ái t.ri thì g.ấp t.răm nghìn đ.ạ qu.ây quần bên Đại-vương, l.à l.ực ph.ủ tá. V.àc t.ái nh.ư Trương-b.án-Siêu, m.ưu l.ược nh.ư anh. em Phạm-Ng.ộ, Phạm-M.ại, Ngô-S.ĩ...
L.ại có người như Vũ t.ri Th.ác t.rong đ.uy-á. t.ái c.ơ m.ưu hơn ng.ười n.gh.ê chi.ến t.ương t.ái là một đ.ương t.ương. Chính Vũ đã đ.àng Đại-Vương một t.ập đ.ạ đ.oi đ.à Vũ hi.ến ch.ép r.ành m.ạch sau

khi phi.êu l.ưu kh.ấp các mi.ền t.rong n.ước, t.ập này đã gi.úp Quốc-công nhi.ều t.rong sự b.ây b.ình b.ổ t.r.ần. Còn h.àc nhi.ều người t.ái n.gh.ê: người s.ánh t.inh t.án, người gi.ỏi in ch.ép, người có t.ái ăn n.ói, c.ả nh.ững người th.ập á. m. nh.ư, người nào cũng có một công vi.ệc th.ích h.ợp với b.ản l.inh ri.êng, không một người nào thấy mình v.à đ.ụng t.rong « s.ông » ho.ạt đ.ộng của Quốc-công. T.ái m.ôn nào cũng đ.ược Đại-Vương đ.iều k.hi.ến, và gi.ữa hàng m.ôn kh.ách, kh.ôn. n.ữ m.ọi g.ò.ạ t.ướng.

Sau hàng m.ôn kh.ách, đ.ây là nh.ững gia t.ướng t.rung th.ành. M.ỗi khi nói đ.ến Đại-T.ương Y.ế. Ki.ều không ai không đ.ảm đ.ộng. Không b.ết họ sinh qu.án ở đ.âu, c.ó l.ẽ họ là nh.ững đ.ứa b.é b.é rơi, đ.ược Đại-Vương cứu v.ớt, rồi n.ớn l.ên theo h.ầu. N.ước họ m.à t.rong t.r.ần t.hua ở K.í-c.ấp, Quốc-công m.ới th.oát kh.ỏi tay gi.ết ch.ạy về Vạn-kiếp. gi.ữa m.ấy đ.ầu v.ây nh.ư h.àc nh.ều vòng th.ép, t.ương sĩ l.ạc l.ồng, Đại-vương cũ. còn có Đại-T.ương theo hộ v.ệ. L.ượng đã mang h.àc qu.ên thương t.ích, m.ặt m.ữ th.ần th.ề ch.ân tay, máu ch.ảy l.ênh l.àng, v.ây m.à v.ẫn ch.ống đ.ổ ch.ơ ch.ủ, h.ết sức

đạp một đường máu để đưa Đại-vương đi. Đến khi thoát trùng vây Đại-vương tuy đã chạy Yết-Kiên đuổi thuyền ở bến Bãi-tân nhưng lại muốn dùng đường bộ về Vạn-kiếp. Dã-Tượng nói: Yết-Kiên chưa thấy Đại-vương chắc chưa bỏ chạy. Đại-vương nên chạy về Bãi-tân thì hơn.

Quốc-công ngăn ngại vì bảo nhiều chiếc thuyền Vô-Yết-Kiên quân lính đã có tin bị giết gập đánh lạc, lẽ nào Yết-Kiên còn ở đây.

Dã-Tượng quả quyết:

— Yết-Kiên là người trung nghĩa. Đại-vương truyền động ở chỗ nào thì dù chết cũng không chịu bỏ. Tiểu-nhân đã biết, xin Đại-vương cứ ra Bãi-tân, tôi sẽ mới thoát được.

Quốc-công nghe lời, chạy ra Bãi-tân, quả nhiên Yết-Kiên vẫn ở đây. Khi bị thương cũng nặng như Dã-Tượng, chiến đấu đến tàn cả, nhưng vẫn cố giữ một chiếc thuyền chết gọi Đại-vương. Thấy Quốc-công, Kiên ghé thuyền vào đón mừng, quả ôm lấy đầu gối Đại-vương mà khóc, rồi rong buồm thuận lái đi về Vạn-kiếp. Quân giặc cũng vừa rời buồm không đuổi kịp. Đại-vương mừng việc ấy lắm lắm.

— Chim hồng chim học bay cao được là nhờ lông cánh, nếu không có lông cánh thì cũng chỉ là chim thường thôi vậy.

Che nên đối với Yết-Kiên, Dã-Tượng, các tướng có rất nhiều thiện cảm, coi như hai người có công lớn phất với Quốc-gia.

Ngoài Yết-Kiên, Dã-Tượng, còn ba gia tướng Cao Mang, Đại-Hạnh, Ngũ-Đế. Địa-Lô, tất cả năm người thân tùy của Quốc-công, toàn là những tay vũ nghệ giỏi và rất được việc. Những mệnh lệnh của Quốc-công đều do họ truyền đi, không sai một ly. Trong những công-cải hiểm nghèo, như việc đi dò xem trận giặc, họ thường theo Quốc-công và không bao giờ không làm tròn nhiệm vụ.

Ba vương-tử Hạng-Vĩ, Hạng-Hiến, Hạng-Trĩ cũng không chịu kém họ gia-nhân.

Sau khi thất trận ở Vạn-lạc, quân giặc tan tã, Quốc-công và ba con về mộ quân ở Bàng-la-Na-ngạn, Trà-chương, An-sinh, Hưng-nhân. Nhờ tài khéo khéo, ông cho đi thành phần phất, chỉ trong có mấy hôm, đã đem được mười vạn quân, vẫn lôi kéo ra như nước vỡ ra Vạn-

kiếp sẽ chịu quyền liệt-chê của Đại-vương. Vì thế mà lỗ hồng trong quân đội do những trận thua lớn ở Bắc-giang lập được ngay, và quân tình lại phần khởi.

Ngoài những người ấy, đây là tướng lĩnh của Triều đình.

Nào là Hạng-hàng, Huyền-Đa, nào là nội quan Đô-Hành, nào là đại-tướng Nguyễn Thúc, coi quân Thanh-Dự, dưng-agia. Nào là hai anh em Hưng-Đức-hầu, Trần-Ty, Quyền-Nhân, Đức-hầu Trần-Ty-Toàn, giong gỏi Trung-tín-hầu Trần-Ty-Khánh khi xưa, đã từng đánh trong trận tử thủ ở Chi-lăng. Vì lòng quyết chiến, vì những phương sách phòng thủ rất khéo, vì tài biến hóa rất nhanh và phong phú, hai hầu chỉ có 5000 quân mà đã cầm cự với cả đại đội binh mã của Thoát-Hoan tấn công làng 5, 6 hôm liền. Hai hầu đã nổi tiếng là thiện thủ. Chính Quốc-công giao cho hai hầu trông rảnh rảnh việc phòng thủ Vạn-kiếp.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUONG

Đã có bản:

SỬ KÝ TỬ MÃ THIÊN

Bản dịch của NHƯNG C. TÔNG

Sách dày trên 400 trang, khổ rộng, in toàn trên giấy trắng (bảng out) Giá 16\$00

VIỆT NAM PHÁT GIAO SỬ LƯỢC

của MẬT-THIÊN (giáo sư trường Sư-Mỹ Phật học-Hà) — Tra của TRẦN-VĂN-GIÁP (trường

Viện Đông-bắc (ở-Hanoi) — Sách dày 300 trang in trên giấy trắng Giá 11\$50

Cùng một lượt đã phát hành: NGHÌN LỄ MỘT NGÀY (Một quyển truyện bộ)

Bản dịch của NAI-KHANH Giá 5\$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Đã có bán?

Câu chuyện văn học

của Thiệu-Son Giá : 4\$00

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-lei. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nẻo, tầm thường, buồn-tẻ, phảng-lảng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao-siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiệu-Son đã nói trên đài vô tuyến-diện Saigon, đã được o-Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-lát, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan
Tức Hoa-Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0\$50

NHA XUẤT-BẢN CÔNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi



TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIEU DAN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4\$00

CÁC BẠN, NGÀY 10-10-1944

ĐÓN ĐỌC

SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẠC THANG CỦA

TỰ TRAO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71

Hanoi

QUANG VẠN THÀNH phát hành

Sách vở

đã có bán

LÒNG VẮNG

Ed de Amicis soạn Hải-Lạc dịch một quyển giáo khoa, đạo luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quý này có một giá trị sức cam bóa to lớn... »

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thùg

(Thanh-nghị số 78 ngày 29 7-1944)

Giá 4\$00 cước 0 80

ĐỜI ĐOÀN THỂ

đang in

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. «...chữ dịch là muốn đề xướng một văn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này... »

Giá 2\$00 cước 0.80 Trích lời nói đầu của Tác-giả.

Vị nào muốn biết nội-dụng sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa chỉ và 0.10 tem vẽ,

QUANG VẠN THÀNH « Nội-Hóa » — mở năm bình dân 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai phong

Phố Yên-lưu Kinh môn Haiduong

đã có

ÁO ĐI MÙ

Bằng lụa ta, sỡn tà mười năm kinh-nghiem, nhiều chứng-thử ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI ĐAY SƠN

mẫu giá đa (simili-catt)

dùng để may áo mặc rét làm mũ xe áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHẮM TRUYỀN THẦN

Giống như hạt, đẹp tuyệt trần, thật là một công-nghệ đạo biệt của ta không nước nào sánh-kịp.